

THÔNG TIN TÓM TẮT VỀ TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG SẢN THỰC PHẨM QUẢNG NGÃI

(Giấy chứng nhận ĐKKD số 4300321643 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Ngãi cấp lần đầu ngày 26/12/2003, thay đổi lần thứ 17 ngày 17/02/2016)



BẢN THÔNG TIN TÓM TẮT SẼ ĐƯỢC CUNG CẤP TẠI

Công ty cổ phần Nông sản Thực phẩm Quảng Ngãi

Địa chỉ : 48 Phạm Xuân Hòa, Phường Trần Hưng Đạo, TP Quảng Ngãi
Điện thoại : 055.3822536 Fax: 055.3822060
Website : <http://www.apfco.com.vn>

PHỤ TRÁCH CÔNG BỐ THÔNG TIN

Họ tên : Võ Văn Danh
Chức vụ : Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc
Điện thoại : 055.3822536 Fax: 055.3822060

MỤC LỤC

I.	TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH.....	3
1.	Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển	3
2.	Cơ cấu tổ chức của Công ty	7
3.	Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của công ty; Danh sách cổ đông sáng lập và tỉ lệ cổ phần nắm giữ.....	11
4.	Cơ cấu cổ đông	11
5.	Danh sách Công ty mẹ, Công ty con, những Công ty mà Công ty cổ phần Nông sản Thực phẩm Quảng Ngãi đang nắm giữ quyền chi phối, kiểm soát cổ phần chi phối, những Công ty đang nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với Công ty. .	12
6.	Hoạt động kinh doanh.....	13
7.	Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong 02 năm gần nhất.....	15
8.	Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành.....	17
9.	Chính sách đối với người lao động.....	20
10.	Chính sách cổ tức.....	21
11.	Tình hình tài chính	21
12.	Tài sản.....	25
13.	Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức năm 2017.....	26
14.	Thông tin về những cam kết chưa thực hiện.....	31
15.	Chiến lược, định hướng phát triển sản xuất kinh doanh.....	31
16.	Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan đến công ty	31
II.	QUẢN TRỊ CÔNG TY	31
1.	Hội đồng quản trị	31
2.	Ban kiểm soát.....	42
3.	Ban Tổng Giám đốc	46
4.	Kế toán trưởng	48
5.	Kế hoạch tăng cường quản trị	48
III.	PHỤ LỤC.....	49

I. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH

1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

1.1 Giới thiệu chung về tổ chức đăng ký giao dịch

Tên tiếng Việt : CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG SẢN THỰC PHẨM QUẢNG NGÃI

Tên tiếng Anh: Quang Ngai Agricultural Products And Foodstuff Joint Stock Company

Tên viết tắt : APFCO

Trụ sở chính : 48 Phạm Xuân Hoà, Phường Trần Hưng Đạo, Thành phố Quảng Ngãi

Điện thoại : 055.3822536

Fax : 055.3822060

Website : www.apfco.com.vn

Giấy chứng nhận ĐKKD số 4300321643 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Ngãi cấp lần đầu ngày 26/12/2003, thay đổi lần thứ 17 ngày 17/02/2016

Người đại diện theo pháp luật: Ông Võ Văn Danh – Tổng giám đốc

Ngày trở thành công ty đại chúng: 26/12/2003

Vốn điều lệ đăng ký : 108.935.570.000 đồng

Vốn điều lệ thực góp : 108.935.570.000 đồng

Logo :



Ngành nghề kinh doanh:

- Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột
- Trồng cây lấy củ có chất bột
- Bán buôn thực phẩm, đồ uống, thuốc lá
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu
- Sản xuất và kinh doanh các sản phẩm sau tinh bột (tinh bột biến tính, cồn ethanol)
- Sản xuất và kinh doanh cồn thực phẩm...

1.2 Giới thiệu về chứng khoán đăng ký giao dịch

Loại chứng khoán : cổ phiếu phổ thông

Mệnh giá : 10.000 đồng/cổ phiếu

Mã chứng khoán : APF

Tổng số lượng chứng khoán đăng ký giao dịch: 10.893.557 cổ phiếu

Số lượng chứng khoán bị hạn chế chuyển nhượng: không có

Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với nhà đầu tư nước ngoài:

Tỷ lệ nắm giữ của nhà đầu tư nước ngoài tuân theo quy định tại Nghị định số 60/2015/NĐ-CP ngày 26/6/2015 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 58/2012/NĐ-CP ngày 20/7/2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật chứng khoán và Thông tư số 123/2015/TT-BTC ngày 19/8/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn hoạt động đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam.

Tại thời điểm ngày 30/03/2017, số lượng cổ phần sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài tại Công ty cổ phần Nông sản Thực phẩm Quảng Ngãi là 0 cổ phần, tương ứng 0%.

1.3 Quá trình hình thành và phát triển

Công ty Cổ phần Nông sản Thực phẩm Quảng Ngãi được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước là Công ty Nông sản Thực phẩm Quảng Ngãi theo Quyết định số 252/QĐ-UB ngày 25/12/2003 của UBND tỉnh Quảng Ngãi. Công ty hoạt động theo Giấy đăng ký kinh doanh số 3403000019 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Ngãi cấp lần đầu ngày 26/12/2003 với số vốn điều lệ là 12.237.000.000 đồng.

Năm 2004: đưa dự án đầu tư xây dựng nhà máy sản xuất tinh bột mì Sơn Hải (hiện nay là nhà máy sản xuất tinh bột mì Quảng Ngãi – cơ sở 2) vào hoạt động.

Năm 2005: Mua nhà máy sản xuất tinh bột sắn Đăk Tô – Kon Tum.

Năm 2006: Đưa dự án đầu tư sản xuất Nhà máy sản xuất tinh bột sắn Đồng Xuân vào hoạt động.

Năm 2008: Mua nhà máy sản xuất tinh bột sắn Tân Châu – Tây Ninh và Chợ Quảng Ngãi.

Năm 2012: Đưa dự án đầu tư xây dựng Nhà máy cồn Đăk Tô vào hoạt động. Đầu tư xây dựng Nhà máy chế biến tinh bột sắn Sê Pôn – Lào.

Năm 2013: Mua lại Nhà máy sản xuất tinh bột sắn An Khê và đưa vào hoạt động.

Năm 2014: Mua và thành lập công ty con: Công ty TNHH Tinh bột sắn Kontum. Nhận bàn giao hoàn thành đầu tư xây dựng Công ty TNHH MTV Chế biến tinh bột sắn Sê Pôn – Lào. Bàn giao lại chợ Quảng Ngãi cho UBND thành phố Quảng Ngãi.

Năm 2015: Thành lập công ty con: Công ty TNHH tinh bột sắn Khánh Dương, Đăk Lăk và Công ty TNHH tinh bột sắn Gensun, Đăk Nông.

Hiện tại, Công ty hoạt động kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4300321643 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Quảng Ngãi, thay đổi lần thứ 17 ngày 17/02/2016 với số vốn điều lệ 108.935.570.000 đồng.

1.4 Quá trình tăng vốn

Để đáp ứng cho sự tăng trưởng và phát triển, APFCO đã thực hiện các đợt tăng vốn. Cụ thể như sau:

Đợt tăng vốn	Thời điểm tăng vốn	Số vốn tăng thêm (1.000đ)	Vốn điều lệ sau tăng vốn (1.000đ)	Hình thức tăng vốn	Cơ sở pháp lý
VĐL ban đầu	Tháng 12/2003	-	12.237.000	Cổ phần hoá	- Quyết định số 252/QĐ-UB ngày 25/12/2003 của UBND tỉnh Quảng Ngãi. - Giấy CNĐKKD số 3403000019 do Sở KH&ĐT tỉnh Quảng Ngãi cấp ngày 26/12/2003.
Đợt 1	Tháng 3/2007	6.700.000	18.937.000	Chào bán cổ phần nội bộ	- Quyết định số 23/QĐ-UBND của UBND tỉnh Quảng Ngãi ngày 6/1/2006 - Nghị quyết ĐHĐCĐ 01/2006/NQ-ĐHCĐ năm 2006 ngày 31/3/2006. - Giấy CNĐKKD số 3403000019 thay đổi lần thứ 3 ngày 26/3/2007.
Đợt 2	Tháng 9/2008	13.660.200	32.597.200	- Phát hành cổ phiếu trả cổ tức - Phát hành theo chương trình lựa chọn cho người lao động	- NQ ĐHĐCĐ 01/2008/NQ-ĐHCĐ thường niên năm 2008. - Nghị quyết HĐQT số 431/NQ-HĐQT ngày 2/6/2008; số 1/6/8/HĐQT-NSTP ngày 30/6/2008. - Văn bản số 1311/UBCK-QLPH ngày 4/7/2008 v/v đã nhận được tài liệu báo cáo phát hành. - Báo cáo kết quả phát

					<p>hành ngày 7/8/2008.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giấy CNĐKKD số 3403000019 thay đổi lần thứ 8 ngày 6/9/2008.
Đợt 3	Tháng 7/2010	8.100.000	40.697.200	Phát hành thêm cho cổ đông hiện hữu	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị quyết ĐHĐCĐ số 01/2009/NQ-ĐHĐCĐ ngày 29/4/2009. - Giấy chứng nhận chào bán cổ phiếu ra công chúng số 508/UBCK-GCN ngày 2/2/2010. - Báo cáo kết quả chào bán cổ phiếu ra công chúng ngày 8/4/2010. - Giấy CNĐKKD số 4300321643 thay đổi lần thứ 10 ngày 5/7/2010.
Đợt 4	Tháng 11/2011	17.498.580	58.195.780	<ul style="list-style-type: none"> - Phát hành cổ phiếu trả cổ tức - Phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu - Phát hành theo chương trình lựa chọn cho người lao động 	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị quyết ĐHĐCĐ số 01/2011/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26/3/2011 - Giấy chứng nhận chào bán cổ phiếu ra công chúng số 87/UBCK-GCN ngày 23/8/2011. - Báo cáo kết quả chào bán cổ phiếu ra công chúng ngày 24/11/2011. - Giấy CNĐKKD số 4300321643 thay đổi lần thứ 11 ngày 21/06/2012.
Đợt 5	Tháng 7/2012	17.456.740	75.652.520	Phát hành trả cổ tức bằng cổ phiếu	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị quyết ĐHĐCĐ số 01/2012/NQ-ĐHĐCĐ ngày 28/4/2012. - Văn bản của UBCKNN ngày 17/7/2012 v/v đã nhận tài liệu báo cáo phát hành. - Báo cáo kết quả phát hành ngày 20/7/2012. - Giấy CNĐKKD số 4300321643 thay đổi

					lần thứ 12 ngày 26/07/2012.
Đợt 6	Tháng 8/2013	15.128.660	90.781.180	Phát hành trả cổ tức bằng cổ phiếu	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị quyết ĐHĐCĐ số 01/2013/NQ-ĐHCD ngày 29/4/2013. - Văn bản của UBCKNN ngày 19/6/2013 v/v đã nhận tài liệu báo cáo phát hành. - Báo cáo kết quả phát hành ngày 26/7/2013 - Giấy CNĐKKD số 4300321643 thay đổi lần thứ 14 ngày 07/08/2013.
Đợt 7	Tháng 12/2014	18.154.390	108.935.570	Phát hành trả cổ tức bằng cổ phiếu	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị quyết ĐHĐCĐ số 01/2014/NQ-ĐHCD ngày 29/4/2014. - Văn bản của UBCK ngày 13/11/2014 v/v đã nhận tài liệu báo cáo phát hành. - Báo cáo kết quả phát hành ngày 16/12/2014. - Văn bản số 7187/UBCK-QLPH ngày 26/12/2014 của UBCKNN về Báo cáo kết quả phát hành. - Giấy CNĐKKD số 4300321643 thay đổi lần thứ 16 ngày 27/12/2014.

(Nguồn: Công ty cổ phần Nông sản Thực phẩm Quảng Ngãi)

2. Cơ cấu tổ chức của Công ty

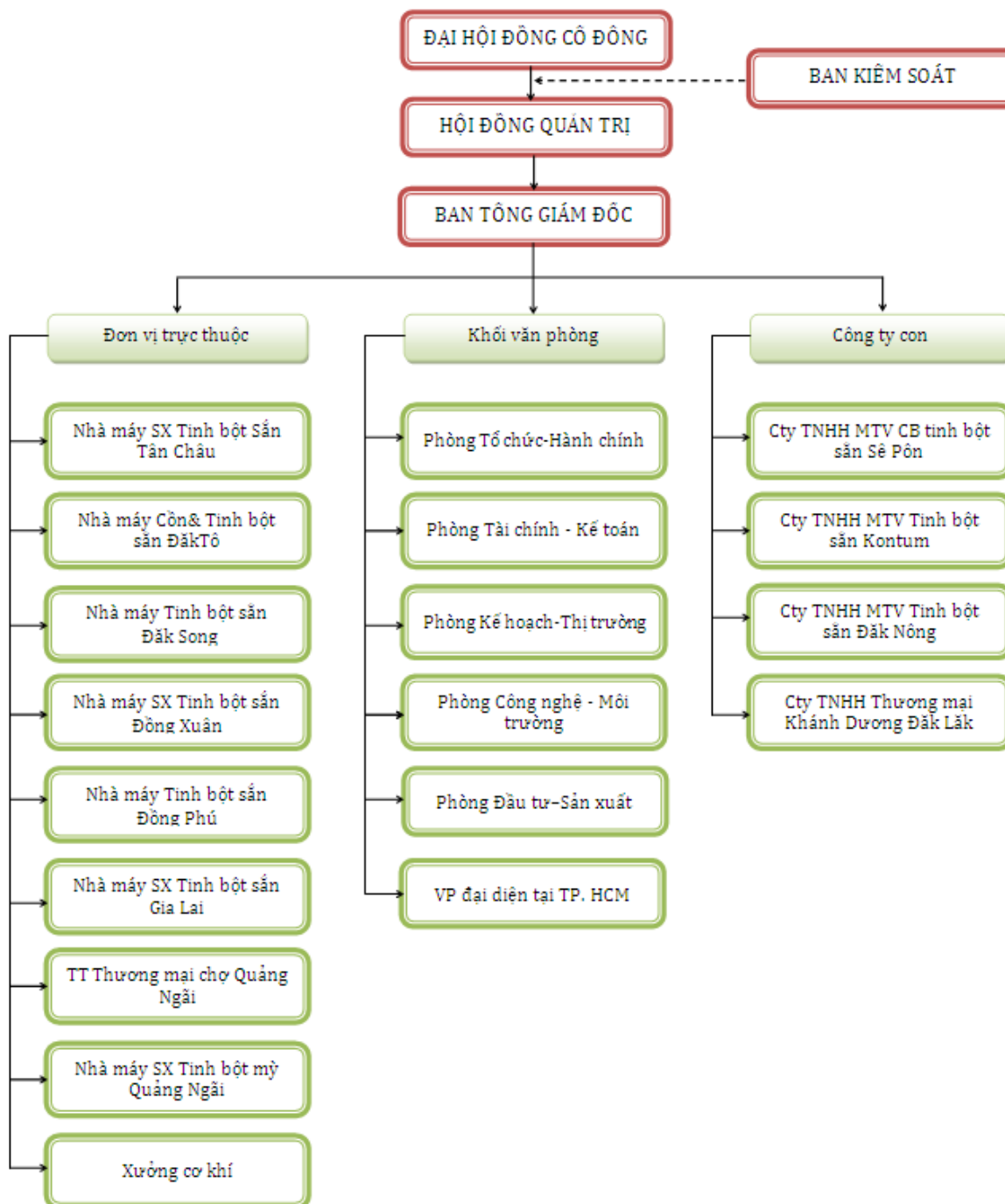
Công ty cổ phần Nông sản Thực phẩm Quảng Ngãi hoạt động theo Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty do Đại hội đồng cổ đông thông qua, theo các quy định của Luật doanh nghiệp, dưới sự quản trị, giám sát và điều hành của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban tổng giám đốc.

Bộ máy tổ chức của Công ty theo mô hình công ty cổ phần như sau:

- Đại hội đồng cổ đông;
- Hội đồng quản trị;

- Ban kiểm soát;
- Ban tổng giám đốc;
- Các phòng ban chức năng, đơn vị trực thuộc;
- Công ty con.

Sơ đồ tổ chức của Công ty cổ phần Nông sản Thực phẩm Quảng Ngãi:



Đại hội đồng cổ đông

Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty Cổ phần. ĐHĐCĐ họp thường niên hoặc bất thường, tổ chức ít nhất mỗi năm một lần, quyết định chiến lược phát triển của Công ty, kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng năm, thông qua nghị quyết các vấn đề như bổ sung và sửa đổi Điều lệ, loại cổ phần và số lượng cổ phần phát hành, mức cổ tức chi trả cho cổ đông hàng năm, thù lao cho các thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát,... Đại hội đồng cổ đông có quyền bầu, bãi nhiệm thay thế thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát.

Hội đồng quản trị

Là cơ quan quản lý Công ty do Đại hội đồng cổ đông bầu ra, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định mọi vấn đề quan trọng liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng Cổ đông. Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ giám sát Tổng Giám đốc và những người quản lý khác trong Công ty. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do pháp luật và Điều lệ Công ty, các Quy chế nội bộ của Công ty và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông quy định, cụ thể có quyền quyết định, chỉ đạo thực hiện kế hoạch phát triển sản xuất kinh doanh và ngân sách hàng năm, xác định các mục tiêu hoạt động và mục tiêu chiến lược trên cơ sở Đại hội đồng cổ đông thông qua, đề xuất mức chi trả cổ tức hàng năm. Hội đồng quản trị có quyền bổ nhiệm và bãi nhiệm Tổng Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác.

Hội đồng quản trị có 1 Chủ tịch, 1 Phó chủ tịch, và 5 thành viên, do ĐHĐCĐ bầu và bãi nhiệm.

Ban Kiểm soát

Do Đại hội đồng cổ đông bầu ra, có trách nhiệm kiểm tra, kiểm soát các báo cáo tài chính hàng năm, 6 tháng, hàng quý, các vấn đề kiểm toán và các vấn đề liên quan đến hoạt động của Công ty, bảo vệ quyền lợi cổ đông theo luật pháp và Điều lệ Công ty. Ban Kiểm soát hoạt động độc lập với Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc.

Ban Kiểm soát có 3 thành viên, do ĐHĐCĐ bầu và bãi nhiệm.

Ban Tổng Giám đốc

Điều hành toàn bộ các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, HĐQT và pháp luật về kết quả hoạt động của mình. Xác định cơ cấu tổ chức, trách nhiệm và quyền hạn của các đơn vị trực thuộc, các cấp quản lý trong Công ty. Xây dựng kế hoạch sản xuất dài hạn và hàng năm, các phương án kinh doanh, các dự án đầu tư mới, các phương án liên doanh, liên kết trình Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Ban Tổng Giám đốc có 1 Tổng Giám đốc, 4 Phó tổng giám đốc

05 Phòng chức năng: Phòng Tổ chức – Hành chính, Phòng Tài chính – Kế toán, Phòng Kế hoạch Thị trường, Phòng Đầu tư – sản xuất, Phòng Công nghệ Môi trường, có

chức năng tham mưu cho Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc trong lĩnh vực phụ trách. Tác nghiệp và chịu trách nhiệm đối với các công việc và nhiệm vụ được phân công.

- **Phòng Tổ chức - Hành chính:**

- ✓ Thực hiện các vấn đề liên quan đến chính sách tiền lương, lao động.
- ✓ Theo dõi, giám sát và bảo vệ tài sản của Công ty.
- ✓ Đề xuất phương án sắp xếp bộ máy tổ chức cho phù hợp với thực tiễn của Công ty.
- ✓ Đề xuất chế độ lương, thưởng cho người lao động.

- **Phòng Tài chính – Kế toán:**

- ✓ Lập và theo dõi sổ sách kế toán theo đúng quy định;
- ✓ Lập bảng biểu, thống kê, báo cáo về tình hình sản xuất và kết quả kinh doanh;
- ✓ Đề xuất phương án giải quyết tồn tại vướng mắc về tài chính, cân đối thu chi;
- ✓ Cân đối và đề xuất phương án sử dụng quỹ lương, thưởng của Công ty;
- ✓ Đề xuất giá bán thành phẩm.

- **Phòng Kế hoạch - Thị trường:**

- ✓ Tìm kiếm thu mua nguyên liệu;
- ✓ Bán hàng, tiêu thụ sản phẩm;
- ✓ Đề xuất phương án và giá mua nguyên liệu từng thời kỳ;
- ✓ Tổ chức nghiên cứu thị trường tiêu thụ, đề xuất phương án sản xuất từng sản phẩm trong từng thời kỳ.

- **Phòng Đầu tư - Sản xuất:**

- ✓ Xây dựng phương án đầu tư dự án;
- ✓ Đề xuất và giải trình các nội dung về dự án đầu tư;
- ✓ Giám sát hoạt động thi công dự án.

- **Phòng Công nghệ - Môi trường:**

- ✓ Phụ trách về thiết bị dây chuyền, công nghệ sản xuất ;
- ✓ Nghiên cứu, đề xuất các giải pháp công nghệ mới ;
- ✓ Phụ trách các vấn đề liên quan tới cam kết bảo vệ môi trường.

01 Văn phòng đại diện TP HCM: đại diện cho Công ty tại khu vực miền Nam xúc tiến thương mại.

09 Đơn vị sản xuất trực thuộc: bao gồm các Nhà máy, Xưởng sản xuất, Trung tâm chợ. Các đơn vị trực thuộc có nhiệm vụ thực hiện một phần chức năng và phù hợp với

ngành, nghề kinh doanh của Công ty. Cơ cấu bộ máy quản lý của đơn vị trực thuộc gồm: Giám đốc đơn vị, các Phó giám đốc đơn vị, trưởng các phòng, ban, bộ phận.

04 Công ty con: hoạt động kinh doanh theo ngành nghề đã đăng ký kinh doanh.

3. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của công ty; Danh sách cổ đông sáng lập và tỉ lệ cổ phần nắm giữ

3.1 Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần tại 30/3/2017:

TT	Tên cổ đông	Địa chỉ	Số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ vốn góp
1	Võ Văn Danh	Phường Trần Hưng Đạo, Thành phố Quảng Ngãi	625.264	5,74%
2	Vũ Lam Sơn	Phường Trần Phú, Thành phố Quảng Ngãi	674.578	6,19%
	Tổng cộng		1.299.842	11,93%

(Nguồn: Danh sách người sở hữu cổ phiếu APF tại ngày 30/03/2017 do VSD cấp)

3.2 Danh sách cổ đông sáng lập:

Công ty chuyển đổi mô hình hoạt động sang công ty cổ phần từ ngày 26/12/2003. Theo quy định của Luật doanh nghiệp, đến thời điểm hiện tại, cổ phiếu phổ thông của cổ đông sáng lập đã hết thời hạn hạn chế chuyển nhượng.

4. Cơ cấu cổ đông

Cơ cấu cổ đông của Công ty tại ngày 30/03/2017 như sau:

TT	Cơ cấu cổ đông	Số lượng cổ đông	Số cổ phần sở hữu	Vốn góp	Tỷ lệ sở hữu (%)
1	Cổ đông trong nước	570	10.893.557	108.935.570.000	100%
	- Cá nhân	569	10.833.109	108.331.090.000	99,44%
	- Tổ chức	1	60.448	604.480.000	0,56%
2	Cổ đông ngoài nước				
	- Cá nhân	0	0	0	0
	- Tổ chức	0	0	0	0
	Tổng cộng	570¹	10.893.557	108.935.570.000	100%

(Nguồn: Danh sách người sở hữu cổ phiếu APF tại ngày 30/03/2017 do VSD cấp)

¹ Số lượng cổ đông APF theo danh sách chốt tại ngày 30/3/2017 tại VSD là 599 cổ đông. Tuy nhiên, trong danh sách có một số cổ đông do ngày cấp CMND quá hạn và khi thay đổi CMND mới chưa cập nhật với VSD nên có 2 số đăng ký sở hữu. Số lượng cổ đông sau khi lọc bỏ trùng lặp là 570.

5. Danh sách Công ty mẹ, Công ty con, những Công ty mà Công ty cổ phần Nông sản Thực phẩm Quảng Ngãi đang nắm giữ quyền chi phối, kiểm soát cổ phần chi phối, những Công ty đang nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với Công ty.

5.1 Công ty đang nắm quyền kiểm soát APFCO: Không có

5.2 Các Công ty mà APFCO nắm giữ quyền chi phối, kiểm soát cổ phần chi phối:

i. Công ty TNHH MTV Chế biến tinh bột sắn Sê Pôn

Địa chỉ: Bản Oa-Lay, huyện Sê Pôn, tỉnh Savannakhets, nước CHDCND Lào

Giấy chứng nhận ĐKKD: số 0150/VĐK do Sở Công Thương tỉnh Savannakhet cấp ngày 15/02/2011

Ngành nghề kinh doanh: Chế biến Tinh bột sắn

Vốn điều lệ đăng ký: 1.164.633 USD

Vốn điều lệ thực góp: 75.221.705.049 VNĐ

Vốn góp của APFCO: 75.221.705.049 VNĐ; tỷ lệ: 100% Vốn điều lệ thực góp

ii. Công ty TNHH Tinh bột sắn Kontum

Địa chỉ: Thôn Bình Giang, xã Sa Bình, Huyện Sa Thầy, tỉnh Kontum

Điện thoại : 060 3814778

Fax: 0603 814780

Giấy chứng nhận ĐKKD: số 6100873295 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Kontum cấp ngày 30/11/2010

Ngành nghề kinh doanh: Chế biến Tinh bột sắn

Vốn điều lệ: 60.328.915.876 VNĐ

Vốn điều lệ thực góp: 47.848.094.338 VNĐ

Vốn góp của APFCO: 24.403.899.956 VNĐ; tỷ lệ: 51% Vốn điều lệ thực góp

iii. Công ty TNHH Tinh bột sắn Đăk Nông

Địa chỉ: Thôn 12, Xã Nhân Cơ, Huyện Đăk R'láp, Tỉnh Đăk Nông

Điện thoại: 0501 3649770

Fax: 0501 3649770

Giấy chứng nhận ĐKKD: số 6400326529 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đăk Nông cấp ngày 15/06/2015

Ngành nghề kinh doanh: Chế biến Tinh bột sắn

Vốn điều lệ: 50.000.000.000 VNĐ

Vốn điều lệ thực góp: 44.577.987.163 VNĐ

Vốn góp của APFCO: 22.734.773.453 VNĐ; tỷ lệ: 51% Vốn điều lệ thực góp

iv. Công ty TNHH Thương mại Khánh Dương Đăk Lăk

Địa chỉ: Thôn 3, Xã Krông Jing, Huyện M'Đrăk, tỉnh Đăk Lăk

Điện thoại: 0500 3555124

Fax: 0500 3555128

Giấy chứng nhận ĐKKD: số 6001496222 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 11/02/2015

Ngành nghề kinh doanh: Chế biến Tinh bột sắn

Vốn điều lệ: 40.000.000.000 VNĐ

Vốn điều lệ thực góp: 40.000.000.000 VNĐ

Vốn góp của APFCO: 25.000.000.000 VNĐ; tỷ lệ: 62,5% Vốn điều lệ thực góp


6. Hoạt động kinh doanh

6.1 Hoạt động kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty Nông sản Thực phẩm Quảng Ngãi bao gồm: sản xuất tinh bột sắn và cồn Ethanol.

Từ khi Công ty chuyển đổi sang hoạt động dưới hình thức Công ty cổ phần, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty không ngừng mở rộng từ 01 Nhà máy sản xuất tinh bột sắn vào thời điểm cổ phần hóa đến nay Công ty đã có 07 Nhà máy sản xuất tinh bột sắn trên các địa bàn các tỉnh Miền Trung – Tây Nguyên và nước bạn Lào. Các sản phẩm được quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2008 và sản phẩm tinh bột sắn tại các Nhà máy đều được đăng ký nhãn hiệu hàng hóa, nhận được sự tin tưởng về chất lượng và nguồn cung cấp từ khách hàng. Sản phẩm tinh bột của Công ty một phần tiêu thụ nội địa và phần lớn đã xuất khẩu đi các nước Châu Á như Trung Quốc, Đài Loan, Nhật Bản ...

Nhà máy cồn của Công ty bắt đầu xây dựng vào ngày 10/1/2010 và chính thức đi vào hoạt động vào tháng 11/2012, đạt công suất theo yêu cầu của dự án là: 50.000tấn sản phẩm/năm (170tấn/ngày). Sản phẩm cồn của Công ty đạt tiêu chuẩn B cồn thực phẩm của Nhật Bản và Hàn Quốc. Công ty đã xuất bán cho thị trường nội địa và xuất khẩu qua Đài Loan, Hàn Quốc, Singapore, Austraylia.

 Một số nhãn hiệu sản phẩm chủ yếu của APF:

<p>TINH BỘT SẮN TAPIOCA STARCH / 木薯淀粉</p> <p>Website: www.apfco.com.vn Email: apfcoqng@dong.vnn.vn TEL: 84.55.3826 952 FAX: 84.55.3822 060</p>  <p>质量认证: ISO 9001 : 2008 DÙNG CHO THỰC PHẨM FOOD GRADE / 食品用</p> <p>保持干燥 禁止吊钩</p> <p>KHỐI LƯỢNG TÍNH/NET WEIGHT: 50.0 kg 净重 50.0 千克</p> <p>STARCH / 淀粉含量 MFD/ 生产日期 EXPIRY DATE / 保质期 TINH BỘT ≥ 85% NSX: HSD:</p> <p>SẢN XUẤT TẠI NHÀ MÁY TINH BỘT MỸ QUẢNG NGÃI 生产在广义木薯淀粉厂 XÃ TỈNH PHONG HUYỆN SƠN TỈNH TỈNH QUẢNG NGÃI 广义省山净县净丰镇 MADE IN VIET NAM 原产国: 越南</p> <p><i>Nhãn hiệu sản phẩm tại NM Tinh bột mỹ Quảng Ngãi</i></p>	<p>TINH BỘT SẮN TAPIOCA STARCH / 木薯淀粉</p> <p>Website: www.apfco.com.vn Email: apfcoqng@dong.vnn.vn TEL: 84.55.3826 952 FAX: 84.55.3822 060</p>  <p>质量认证: ISO 9001 : 2008 DÙNG CHO THỰC PHẨM FOOD GRADE / 食品用</p> <p>保持干燥 禁止吊钩</p> <p>KHỐI LƯỢNG TÍNH/NET WEIGHT: 50.0 kg 净重 :50.0 千克</p> <p>STARCH / 淀粉含量 MFD/ 生产日期 EXPIRY DATE / 保质期 TINH BỘT ≥ 85% NSX: HSD:</p> <p>SẢN XUẤT TẠI NHÀ MÁY CỒN VÀ TINH BỘT SẮN ĐẮK TÔ 得苏酒精及木薯淀粉厂 XÃ TÂN CẢNH, HUYỆN ĐẮKTÔ, TỈNH KONTUM, VIỆT NAM 越南昆嵩省得苏县新景镇一村 MADE IN VIET NAM 原产国: 越南</p> <p><i>Nhãn hiệu sản phẩm tại NM Tinh bột sắn Đắk Tô</i></p>
---	--

<p>TINH BỘT SẮN TAPIOCA STARCH / 木薯淀粉 Website: www.apfco.com.vn Email: apfcoqng@dong.vnn.vn TEL: 84.55.3826 952 FAX: 84.55.3822 060</p> <p>质量认证: ISO 9001 : 2008 DÙNG CHO THỰC PHẨM FOOD GRADE / 食品用</p> <p>KHỐI LƯỢNG TÍNH/NET WEIGHT: 50.0 kg 净重 :50.0 千克 STARCH / 淀粉含量 MFD/ 生产日期 EXPIRY DATE / 保质期 TINH BỘT ≥ 85% NSX:..... HSD:</p> <p>SẢN XUẤT TẠI NHÀ MÁY TINH BỘT SẮN ĐỒNG XUÂN 生产在同春木薯淀粉厂 THỊ TRẤN LA HAI HUYỆN ĐỒNG XUÂN TỈNH PHÚ YÊN 富安省同春县罗二县城 MADE IN VIET NAM 原产国: 越南</p> <p>Nhãn hiệu sản phẩm tại NM Tinh bột sắn Đồng Xuân</p>	<p>TINH BỘT SẮN TAPIOCA STARCH / 木薯淀粉 Website: www.apfco.com.vn Email: apfcoqng@dong.vnn.vn TEL: 84.55.3826 952 FAX: 84.55.3822 060</p> <p>质量认证: ISO 9001 : 2008 DÙNG CHO THỰC PHẨM FOOD GRADE / 食品用</p> <p>KHỐI LƯỢNG TÍNH/NET WEIGHT: 50.0 kg 净重 :50.0 千克 STARCH / 淀粉含量 MFD/ 生产日期 EXPIRY DATE / 保质期 TINH BỘT ≥ 85% NSX:..... HSD:</p> <p>CƠ SỞ 2: NHÀ MÁY SẢN XUẤT TINH BỘT SẮN GIA LAI 第二厂: 嘉来生产木薯淀粉厂 PHƯỜNG AN TÂN, THỊ XÃ AN KHÊ, TỈNH GIA LAI 嘉来省安溪县城安新坊 MADE IN VIET NAM 原产国: 越南</p> <p>Nhãn hiệu sản phẩm tại NM Tinh bột sắn Gia Lai</p>
<p>TINH BỘT SẮN TAPIOCA STARCH / 木薯淀粉 Website: www.apfco.com.vn Email: apfcoqng@dong.vnn.vn TEL: 84.55.3826 952 FAX: 84.55.3822 060</p> <p>ISO 9001 : 2008 TCCS: 01-CB.CLTP/06 DÙNG CHO THỰC PHẨM FOOD GRADE / 食品用</p> <p>KHỐI LƯỢNG TÍNH/NET WEIGHT: 50.0 kg 净重 50.0 斤 STARCH / 淀粉含量 MFD/ 生产日期 EXPIRY DATE / 保质期 TINH BỘT ≥ 85% NSX:..... HSD:</p> <p>SẢN XUẤT TẠI NHÀ MÁY TINH BỘT SẮN TÂN CHÂU 生产在新州木薯淀粉厂 THỊ TRẤN TÂN CHÂU HUYỆN TÂN CHÂU TỈNH TÂY NINH 西宁市新州县新州县城 MADE IN VIET NAM 产地: 越南</p> <p>Nhãn hiệu sản phẩm tại NM Tinh bột sắn Tân Châu</p>	<p>ແປ້ງມັນຕົ້ນ TAPIOCA STARCH / 木薯淀粉 Website: www.apfco.com.vn Email: apfcoqng@dong.vnn.vn TEL: 84.55.3826 952 FAX: 84.55.3822 060</p> <p>ISO 9001 : 2008 TCCS: 01-CB.CLTP/06 DÙNG CHO THỰC PHẨM FOOD GRADE / 食品用</p> <p>ນ້ຳມັນກາ / NET WEIGHT: 50.0 kg 净重 :50.0 千克 STARCH / 淀粉含量 MFD/ 生产日期 EXPIRY DATE / 保质期 ທາດແປ້ງ ≥ 85% ມັນຜະລິດ: ກຳມິດໂຕລາໄຊ:</p> <p>ຜະລິດທີ່ ບໍລິສັດ ຢາງແຕ່ງແປ້ງມັນຕົ້ນເຊໂປນ ຈຳກັດຜູ້ງາງ ສະຖານທີ່ ບ້ານອາໄລ-ແກ້ງທອງ ເມືອງເຊໂປນ ແຂວງສະຫວັນນະເຂດ ສປປ ລາວ. ໂທລະສັບ: 00856.309983389; 2098375414 MADE IN LAO 原产国: 老挝</p> <p>Nhãn hiệu sản phẩm tại NM Tinh bột sắn Sê Pôn</p>

6.2 Cơ cấu doanh thu và lợi nhuận

Doanh thu của APFCO đến chủ yếu từ hoạt động bán hàng, trong đó chủ yếu là doanh thu phát sinh từ bán thành phẩm là tinh bột sắn và cồn thực phẩm do Công ty tự sản xuất. Dịch vụ Công ty cung cấp là vận tải hàng hóa, sử dụng nguồn lực là lượng xe chuyên chở có sẵn của Công ty. Doanh thu từ cung cấp dịch vụ chiếm tỷ trọng rất nhỏ trong tổng doanh thu.

CƠ CẤU DOANH THU

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	Năm 2015		Năm 2016	
	Giá trị	Tỷ lệ/DTT	Giá trị	Tỷ lệ/DTT
Doanh thu bán hàng	3.266.087.993.488	99,95%	2.848.083.061.737	99,93%

- Thành phẩm	3.206.150.237.289	98,12%	2.769.681.969.554	97,18%
- Hàng hóa	59.937.756.199	1,83%	78.401.092.183	2,75%
Doanh thu cung cấp dịch vụ	1.565.866.131	0,05%	2.000.727.181	0,07%
Tổng doanh thu thuần	3.267.653.859.619	100,00%	2.850.083.788.918	100%

(Nguồn: BCTC kiểm toán hợp nhất năm 2016 - APFCO)

Năm 2016, do giá hàng nông sản trên thế giới và trong khu vực giảm liên tục, thời tiết diễn biến bất lợi nên doanh thu bán hàng của APFCO giảm so với năm 2015. Theo đó, lợi nhuận gộp của APFCO năm qua cũng đạt thấp hơn so với cùng kỳ năm trước.

CƠ CẤU LỢI NHUẬN GỘP

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	Năm 2015		Năm 2016	
	Giá trị	Tỷ lệ	Giá trị	Tỷ lệ
Lợi nhuận gộp bán hàng	432.408.078.977	99,64%	355.519.098.691	99,44%
- Thành phẩm	421.272.505.881	97,07%	352.637.449.947	98,63%
- Hàng hóa	11.135.573.096	2,27%	2.881.648.744	0,81%
Lợi nhuận gộp cung cấp dịch vụ	1.565.866.131	0,36%	2.000.727.181	0,66%
Tổng lợi nhuận gộp	433.973.945.108	100,0%	357.519.825.872	100,0%

(Nguồn: BCTC kiểm toán hợp nhất năm 2016- APFCO)

7. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong 02 năm gần nhất

7.1 Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2015 - 2016

❖ Chỉ tiêu về hoạt động sản xuất kinh doanh – Công ty mẹ

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	Năm 2015	Năm 2016	% Tăng, giảm 2016/2015
Tổng giá trị tài sản	1.514.317.119.514	1.820.589.519.828	20,23%
Vốn chủ sở hữu	404.920.560.039	379.218.836.340	-6,35%
Doanh thu thuần	3.228.044.536.050	2.844.288.032.268	-11,89%
Lợi nhuận thuần từ HĐKD	94.387.227.824	78.342.626.347	-17,00%
Lợi nhuận khác	-427.582.653	224.054.122	-
Lợi nhuận trước thuế	93.959.645.171	78.566.680.469	-16,38%
Lợi nhuận sau thuế	91.816.921.364	78.566.680.469	-14,43%

Giá trị sổ sách/ 1CP	37.170	34.811	-6,35%
----------------------	--------	--------	--------

(Nguồn: BCTC kiểm toán của công ty mẹ năm 2016- APFCO)

❖ Chỉ tiêu về hoạt động sản xuất kinh doanh – Hợp nhất

Đơn vị tính: đồng

Chỉ Tiêu	Năm 2015	Năm 2016	% Tăng, giảm 2016/2015
Tổng giá trị tài sản	1.604.644.788.428	1.947.406.161.911	21,36%
Vốn chủ sở hữu	445.231.069.603	424.794.318.489	-4,59%
Doanh thu thuần	3.267.653.859.619	2.850.083.788.918	-12,78%
Lợi nhuận thuần từ HĐKD	107.123.482.210	78.900.137.964	-26,35%
Lợi nhuận khác	(969.476.348)	(10.239.178)	-
Lợi nhuận trước thuế	106.154.005.862	78.889.898.786	-25,68%
Lợi nhuận sau thuế	103.480.436.927	78.886.647.559	-23,77%
LNST của cổ đông không kiểm soát	8.821.008.644	5.111.318.229	-42,06%
Lợi nhuận sau thuế công ty mẹ	94.659.428.284	73.775.329.330	-22,06%
Giá trị sổ sách/ 1CP	32.181	34.096	5,95%

(Nguồn: BCTC kiểm toán hợp nhất năm 2016- APFCO)

❖ **Ghi chú:** Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2016 của Công ty cổ phần Nông sản Thực phẩm Quảng Ngãi có vấn đề cần nhấn mạnh: “Nhu đã trình bày tại mục số 5 của Thuyết minh 5.20 trong Bản thuyết minh báo cáo tài chính, Lợi nhuận chưa phân phối còn lại trên Báo cáo tài chính hợp nhất đến 31/12/2015 là 86.947.556.854 đồng, tuy nhiên trong năm 2016 Công ty đã thực hiện phân phối theo số lợi nhuận là 94.657.015.845 đồng”.

Giải thích của APFCO: Công ty đã thực hiện phân phối lợi nhuận căn cứ vào Lợi nhuận sau thuế công ty mẹ trên Báo cáo kiểm toán hợp nhất năm 2016.

7.2 Các nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty trong năm 2016

Năm 2016, mặc dầu các chỉ tiêu về doanh thu và lợi nhuận của Công ty cổ phần Nông sản Thực phẩm Quảng Ngãi giảm so với năm 2015, nhưng đã hoàn thành và vượt các chỉ tiêu kế hoạch năm mà ĐHCĐ thường niên năm 2016 đã thông qua. Các nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm như sau:

❖ Thuận lợi:

- APFCO có bề dày hoạt động lâu đời trong ngành nông sản nói chung và mảng ngành chế biến tinh bột sắn nói riêng nên có nhiều kinh nghiệm trong lĩnh vực hoạt động và dấu ấn thương hiệu trên thị trường.
- Công ty có nhiều nhà máy đặt tại các khu vực trọng điểm khai thác tốt nguồn nguyên liệu sắn. Đồng thời Công ty cũng đã và đang phát triển vùng nguyên liệu đảm bảo nguồn cung ổn định và chất lượng.
- Công ty khai thác tốt năng suất sản xuất của các Nhà máy hiện có.

❖ **Khó khăn:**

- Thị trường xuất khẩu tinh bột sắn nói chung và của APFCO nói riêng chủ yếu là Trung Quốc. Do vậy, đầu ra hàng hóa của Công ty phụ thuộc lớn vào nhu cầu tiêu thụ của quốc gia này. Trong năm 2016, Trung Quốc liên tiếp phá giá đồng nhân dân tệ nên giá trị xuất khẩu hàng nông sản của Công ty giảm, tác động đến giảm doanh thu.
- Giá dầu giảm thấp, đang ở ngưỡng 30-40USD/thùng nên xăng sinh học E5 sử dụng cồn ethanol hiện nay không được nhiều đơn vị sản xuất do giá thành sản xuất cao. Do vậy, thị trường cồn xuất khẩu và tiêu thụ nội địa gặp khó khăn, giá giảm liên tục. Công ty phải chủ động giảm sản lượng sản xuất theo nhu cầu khách hàng.
- APFCO có tỷ lệ đòn bẩy tài chính cao với nợ vay gần gấp 3 lần vốn chủ sở hữu nên Công ty gặp áp lực trong việc quay vòng vốn và thanh toán các khoản nợ đến hạn.
- Tình hình thời tiết diễn biến bất lợi, hạn hán và mưa lũ kéo dài trên diện rộng các tỉnh Miền Trung và Tây Nguyên, ảnh hưởng đáng kể đến nguồn nguyên vật liệu của Công ty.
- Giá hàng nông sản trong khu vực và trên thế giới giảm liên tục. Đặc biệt, giá bột ngô ở mức thấp kéo theo giá tinh bột sắn giảm sâu.

8. Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành

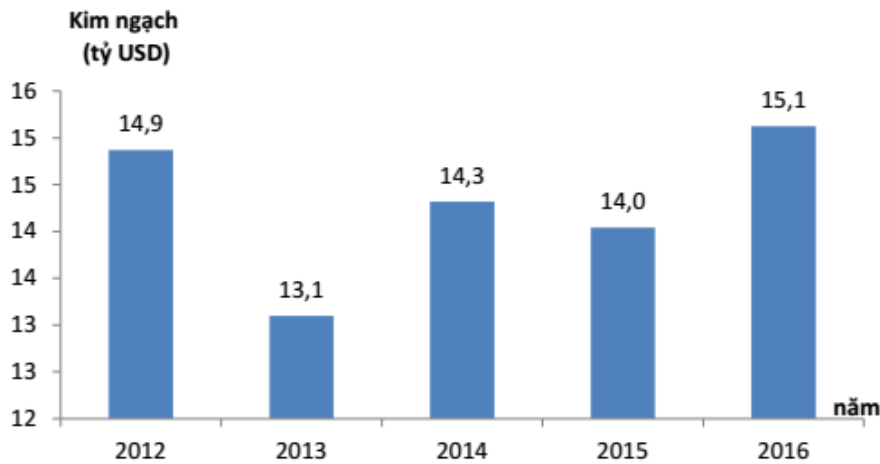
8.1 Vị thế của Công ty trong ngành

CTCP Nông sản Thực phẩm Quảng Ngãi hiện là một trong những doanh nghiệp lớn trong ngành sản xuất kinh doanh nông sản. Các sản phẩm nông sản của Công ty đã khẳng định được thương hiệu đối với thị trường trong nước và khu vực.

8.2 Triển vọng ngành

Việt Nam hiện có hàng chục mặt hàng nông sản xuất khẩu chủ lực mang tầm vóc thế giới như gạo, cà phê, hồ tiêu, sắn, cao su... Năm 2010, Việt Nam mới chỉ có 18 thị trường xuất khẩu đạt hơn 1 tỷ USD, nhưng đến năm 2016 đã tăng lên 28 thị trường. Giá

trị xuất khẩu các mặt hàng nông sản chính (hàng rau quả, hạt điều, cà phê, chè, hạt tiêu, gạo, cao su, sắn và sản phẩm từ sắn) đạt 15,1 tỷ USD, tăng 7,9% so với năm 2015.



(Nguồn Tổng cục Hải quan)

Mặt hàng rau quả đạt mức tăng trưởng tốt và ổn định nhất trong các năm qua. Năm 2016, kim ngạch xuất khẩu của nhóm hàng này đạt 2,46 tỷ USD, tăng gấp 3 lần so với năm 2012. Bên cạnh đó, xuất khẩu hạt tiêu và hạt điều cũng đạt mức tăng trưởng tốt, trung bình tăng trưởng 14% năm trong giai đoạn 2012-2016. Mặc dù vậy, mặt hàng gạo trước đây là mặt hàng xuất khẩu chủ lực của Việt Nam nhưng trong năm qua khối lượng xuất khẩu gạo chỉ đạt 4.88 triệu tấn và 2.2 tỷ USD, giảm 25.8% về khối lượng và giảm 21.2% về giá trị so với năm 2015 do chất lượng gạo của Việt Nam vẫn ở mức trung bình có giá trị xuất khẩu không cao, cộng với nguồn cung trên thị trường thế giới hiện nay đang vượt xa rất nhiều so với cầu.

Năm 2017, dự báo ngành nông sản vẫn đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức do giá cả nông sản thế giới vẫn ở mức thấp; diễn biến thời tiết bất lợi và khó dự báo; hàng rào kỹ thuật của các nước ngày càng khắt khe. Tuy nhiên, bên cạnh những khó khăn, ngành vẫn có những thuận lợi như nhu cầu thị trường tăng, cải thiện cơ cấu sản phẩm, mở rộng áp dụng công nghệ cao, thúc đẩy liên kết và đầu tư của doanh nghiệp vào nông nghiệp và có thêm các xung lực từ ưu đãi thuế theo lộ trình triển khai các cam kết hội nhập quốc tế. Theo đó, ngành nông sản sẽ có nhiều cơ hội khởi sắc trong năm 2017 cho nhu cầu tiêu thụ trong nước và xuất khẩu ra khu vực và trên thế giới.

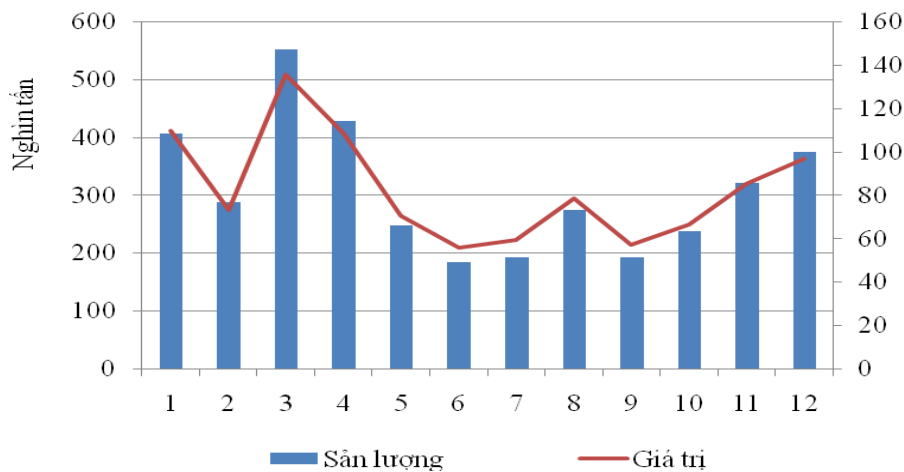
Ngành sắn và sản xuất tinh bột sắn

Sắn là loại cây lương thực quan trọng ở các nước nhiệt đới như Brazil, Nigeria, Thái Lan, Indonexia, Việt Nam. Sắn ngoài công dụng là lương thực cho người và thức ăn cho gia súc, tinh bột sắn là nguyên liệu không thể thiếu trong nhiều ngành công nghiệp như làm hồ, in, định hình và hoàn tất trong công nghiệp dệt, làm bóng và tạo lớp phủ bề mặt cho công nghiệp giấy. Đồng thời tinh bột sắn còn dùng trong sản xuất cồn, bột nêm, mì chính, chế biến thực phẩm.

Những năm gần đây, Việt Nam đứng thứ 10 trên thế giới về sản lượng sắn và là nước xuất khẩu tinh bột sắn đứng thứ 2 trên thế giới sau Thái Lan. Tinh bột sắn đã trở

thành một trong bảy mặt hàng xuất khẩu có triển vọng được Chính phủ và các địa phương quan tâm phát triển. Tính đến năm 2015, cả nước có 566,5 nghìn ha diện tích trồng sắn với sản lượng hơn 10 triệu tấn củ tươi/năm. Các nhà máy chế biến tinh bột sắn và sản xuất còn có địa điểm trải rộng trên toàn quốc, thuận lợi cho việc thu mua nguyên liệu và giảm chi phí vận chuyển. Năm 2016, do điều kiện thời tiết không thuận lợi và giá sắn giảm sâu nên sản lượng và giá trị xuất khẩu sắn và các sản phẩm từ sắn giảm mạnh so với năm 2015.

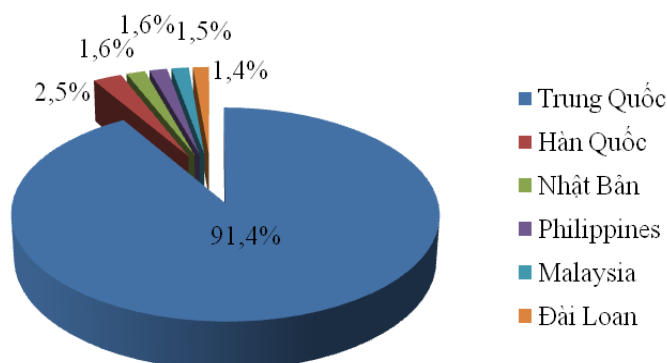
Sản lượng và giá trị xuất khẩu sắn của Việt Nam năm 2016



Nguồn: Tổng cục Thống kê

Thị trường xuất khẩu tinh bột sắn của Việt Nam chủ yếu là Trung Quốc, chiếm đến 90% tổng kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam; tiếp theo là Hàn Quốc, Nhật Bản, Philippines, Malaysia, Đài Loan, mỗi nước nhập khẩu từ Việt Nam khoảng trên dưới 2%.

Thị trường xuất khẩu sắn của Việt Nam năm 2016



Nguồn: Tổng cục Thống kê

Dự báo nhu cầu thế giới đối với sắn tinh bột sắn sẽ gia tăng. Viện nghiên cứu chính sách lương thực thế giới (IFRRI) đã tính toán và dự báo tình hình sản xuất và tiêu thụ sắn toàn cầu với tầm nhìn đến năm 2020, thì sản lượng sắn toàn cầu ước đạt 275,10 triệu tấn,

trong đó chủ yếu sản xuất ở các nước đang phát triển là 274,7 triệu tấn, các nước phát triển 0,04 triệu tấn. Mức tiêu thụ sản ở các nước đang phát triển dự báo đạt 254,6 triệu tấn và với các nước đã phát triển 20,5 triệu tấn.

Theo thông tin từ Hiệp hội sản Việt Nam, giá tinh bột sản dự báo sẽ sớm tăng trở lại và nhu cầu thu mua của Trung Quốc có xu hướng tăng kể từ tháng 3/2017. Theo đó, triển vọng xuất khẩu sản và tinh bột sản của Việt Nam trong năm 2017 sẽ khả quan hơn.

8.3 Sự phù hợp định hướng phát triển của Công ty với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước và xu thế chung trên thế giới

Công ty cổ phần Nông sản Thực phẩm Quảng Ngãi hoạt động với mục tiêu phát triển ngày càng lớn mạnh, kinh doanh có hiệu quả, tập trung đầu tư nguồn lực về con người và tài chính để mở rộng thị trường, đổi mới công nghệ thiết bị để nâng cao chất lượng sản phẩm Tinh bột sản và Cồn thực phẩm, phấn đấu trở thành một trong những nhà sản xuất và cung cấp tinh bột sản hàng đầu khu vực.

Trong những năm qua, APFCO đã đầu tư nhà xưởng, máy móc thiết bị nhằm nâng cao công suất các nhà máy hiện tại và đầu tư mua lại các nhà máy có hiệu quả cao. Bên cạnh đó, Công ty còn chú trọng đầu tư phát triển vùng nguyên liệu nhằm giữ vững ổn định nguồn cung và nâng cao chất lượng sản phẩm.

Với tầm nhìn xa trong hoạt động kinh doanh, định hướng phát triển của Công ty hoàn toàn phù hợp với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước và xu thế chung trên thế giới.

9. Chính sách đối với người lao động

9.1 Số lượng, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ của CBCNV

Số lượng lao động tại Công ty cổ phần Nông sản Thực phẩm Quảng Ngãi tại thời điểm 31/12/2016 là 547 người, cụ thể như sau:

Phân loại	Số người	Tỷ trọng (%)
Tổng số lao động	547	100
<i>Trong đó:</i>		
1. Cán bộ nhân viên quản lý	17	3,1
2. Theo trình độ		
- Đại học và trên đại học	93	17,0
- Cao đẳng	43	7,9
- Trung cấp	294	53,7
- Lao động phổ thông	117	21,4
3. Theo tính chất hợp đồng		
- Hợp đồng lao động 1 năm	85	15,5

- Hợp đồng lao động 3 năm trở lên	462	84,5
-----------------------------------	-----	------

(Nguồn: Công ty cổ phần Nông sản Thực phẩm Quảng Ngãi)

9.2 Chính sách đối với người lao động

Chính sách lương: Ngoài tiền lương được hưởng theo hệ số, người lao động trong Công ty còn được trả lương căn cứ theo trình độ, năng lực và hiệu quả công việc được giao. Công ty thường xuyên kiểm tra việc thực hiện các chế độ chính sách về tiền lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp cho cán bộ công nhân viên; nâng bậc lương hàng năm theo kỳ cho cán bộ công nhân viên; khám sức khỏe định kỳ; huấn luyện về an toàn lao động, vệ sinh lao động và phòng chống cháy nổ.

Chế độ phúc lợi xã hội: Ngoài những quyền lợi được quy định theo Luật Lao động còn được hưởng nhiều đãi ngộ dưới các hình thức như du lịch, nghỉ phép, trợ cấp khi thai sản và ốm đau, quỹ hỗ trợ khi CB-CNV gặp khó khăn đột xuất; tổ chức các hoạt động văn hóa thể thao để CBCNV tham gia.

Công tác đào tạo: Công ty rất chú trọng công tác đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ cho CBCNV qua các hình thức đào tạo: ngắn hạn, tập huấn, hội thảo, đào tạo lại...

10. Chính sách cổ tức

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty, cổ tức được công bố và chi trả từ lợi nhuận giữ lại của Công ty. Cổ tức do Hội đồng quản trị đề xuất và ĐHĐCĐ thông qua.

Mức chi trả cổ tức của năm 2015, 2016 lần lượt là 66,2% và 50,2% vốn điều lệ. Kế hoạch chi trả cổ tức năm 2017 là 40% vốn điều lệ.

Đến thời điểm này, Công ty đã tạm ứng cổ tức của năm 2016 với tỷ lệ 20%, tương đương 2.000 đồng/cổ phiếu.

11. Tình hình tài chính

11.1 Các chỉ tiêu cơ bản

❖ Trích khấu hao Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

Loại tài sản cố định	Thời gian (năm)
Nhà cửa vật kiến trúc	05-50
Máy móc thiết bị	03-15
Phương tiện vận tải	06-30
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03-10

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

- Quyền sử dụng đất là tiền thuê đất Công ty trả một lần cho nhiều năm hoặc nhận chuyển nhượng từ cá nhân/tổ chức và được Cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Quyền sử dụng đất này được khấu hao theo thời hạn sử dụng đất.
- Phần mềm máy tính được khấu hao trong 04 năm.

❖ **Mức lương bình quân**

Thu nhập bình quân của cán bộ công nhân viên trong năm 2016: 8.000.000 đồng/người/tháng.

❖ **Thanh toán các khoản nợ đến hạn**

Việc thanh toán các khoản nợ đến hạn được Công ty thực hiện tốt. Căn cứ vào các báo cáo kiểm toán năm 2016, Công ty đã thanh toán đúng hạn và đầy đủ các khoản nợ, không có nợ phải trả quá hạn.

❖ **Các khoản phải nộp theo luật định**

Số dư Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước tại các thời điểm như sau:

Đơn vị tính: đồng

Thuế và các khoản phải nộp NN	31/12/2015	31/12/2016
- Thuế GTGT	18.357.774.978	5.116.058.077
- Thuế TNDN	2.242.229.984	3.251.227
- Thuế thu nhập cá nhân	7.970.930	12.347.487
- Thuế XNK	-	140.683.500
- Thuế tài nguyên	59.531.848	49.223.591
Tổng cộng	20.667.507.740	5.321.563.882²

(Nguồn: BCTC kiểm toán hợp nhất năm 2016 – APFCO)

❖ **Trích lập các Quỹ theo luật định**

Số dư các quỹ đến các thời điểm thể hiện như sau:

Đơn vị tính: đồng

Các quỹ của doanh nghiệp	31/12/2015	31/12/2016
Quỹ đầu tư phát triển	168.041.138.992	181.062.444.669
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	10.446.136.036	11.749.109.741

(Nguồn: BCTC kiểm toán hợp nhất năm 2016 – APFCO)

² Thuế và các khoản Phải thu Nhà nước tại 31/12/2016: 2.309.769.557 đồng. Trong đó, Thuế GTGT: 2.309.486.059 đồng; Thuế Thu nhập cá nhân: 283.498 đồng.

❖ **Tình hình vay nợ**

Để đáp ứng nguồn vốn cho hoạt động kinh doanh và đầu tư phát triển, Công ty đã thực hiện các khoản vay ngắn hạn và dài hạn tại các ngân hàng thương mại trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi. Cụ thể:

Đơn vị tính: đồng

Vay nợ	31/12/2015	31/12/2016
I. Vay ngắn hạn	901.184.435.344	1.289.627.140.704
- <i>Vay ngắn hạn</i>	<i>818.087.946.204</i>	<i>1.213.621.479.168</i>
- Ngân hàng Vietinbank	299.103.999.224	377.109.246.400
- Ngân hàng Vietcombank	285.732.089.973	475.714.947.050
- Ngân hàng BIDV	233.239.857.007	360.797.285.718
- Ngân hàng NN&PTNT Việt Nam	12.000.000	-
- <i>Nợ dài hạn đến hạn trả</i>	<i>83.096.489.140</i>	<i>76.005.661.536</i>
II. Vay dài hạn	153.445.042.035	127.131.952.376
- Ngân hàng Vietinbank	18.769.133.333	17.614.432.928
- Ngân hàng Vietcombank	124.759.789.342	92.863.706.728
- Ngân hàng BIDV	9.916.119.360	16.653.812.720
Tổng cộng I, II	1.054.629.477.379	1.416.759.093.080

(Nguồn: BCTC kiểm toán hợp nhất năm 2016 – APFCO)

❖ **Tình hình công nợ hiện nay**

- Các khoản phải thu:

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	31/12/2015	31/12/2016
I. Các khoản phải thu ngắn hạn	275.790.620.393	517.128.856.557
1. Phải thu của khách hàng	255.290.127.239	416.417.390.724
2. Trả trước cho người bán	13.731.599.941	86.587.885.221
3. Phải thu ngắn hạn khác	16.684.724.111	26.408.900.594
4. Dự phòng phải thu khó đòi	(9.915.830.898)	(14.647.411.112)
5. Tài sản thiếu chờ xử lý	-	2.362.091.130
II. Các khoản phải thu dài hạn	493.445.400	493.445.400
1. Phải thu dài hạn khác	493.445.400	493.445.400
Tổng khoản phải thu	276.284.065.793	517.622.301.957

(Nguồn: BCTC kiểm toán hợp nhất năm 2016 – APFCO)

- Các khoản phải trả:

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	31/12/2015	31/12/2016
I. Nợ ngắn hạn	1.005.153.329.539	1.395.097.882.746
1. Vay và nợ ngắn hạn	901.184.435.344	1.289.627.140.704
2. Phải trả cho người bán	26.489.212.269	41.428.770.014
3. Người mua trả tiền trước	9.998.955.693	4.167.980.495
4. Thuế và các khoản phải nộp NN	20.667.507.740	5.321.563.882
5. Phải trả người lao động	23.828.835.461	9.677.179.492
6. Chi phí phải trả	6.575.103.679	7.976.408.406
7. Phải trả ngắn hạn khác	5.890.416.045	25.077.002.739
8. Doanh thu chưa thực hiện	72.727.273	72.727.273
9. Quỹ khen thưởng phúc lợi	10.446.136.036	11.749.109.741
II. Nợ dài hạn	154.260.389.287	127.513.960.676
1. Vay và nợ dài hạn	153.445.042.035	127.131.952.376
2. Phải trả dài hạn khác	384.008.300	382.008.300
3. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	431.338.952	-
Tổng nợ phải trả	1.159.413.718.826	1.522.611.843.422

(Nguồn: BCTC kiểm toán hợp nhất năm 2016 – APFCO)

❖ Các khoản đầu tư vào Công ty liên kết, liên doanh: Không có

❖ Các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác:

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	31/12/2015 (theo giá gốc)	31/12/2016 (theo giá gốc)
- Công ty cổ phần Thương mại Sabeco Miền Trung	501.290.000	501.290.000
- Công ty cổ phần Sữa Việt Nam	5.300.000	5.300.000
Đầu tư dài hạn khác	506.590.000	506.590.000

(Nguồn: BCTC kiểm toán hợp nhất năm 2016 – APFCO)

11.2 Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Các chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2015	Năm 2016
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán:			

- Hệ số thanh toán ngắn hạn	lần	0,89	0,80
- Hệ số thanh toán nhanh	lần	0,41	0,45
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn:			
- Nợ / Tổng tài sản	lần	0,72	0,78
- Nợ / Vốn chủ sở hữu	lần	2,60	3,58
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động:			
- Doanh thu thuần / Tổng tài sản bình quân	lần	2,04	1,60
- Vòng quay hàng tồn kho	vòng	5,90	5,19
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời:			
- Hệ số LNST/ Doanh thu thuần	%	3,17	2,77
- Hệ số LNST/ Tổng tài sản bình quân (ROA)	%	5,90	4,15
- Hệ số LNST/ Vốn chủ sở hữu bình quân (ROE)	%	23,60	19,10
- Hệ số LN từ HĐKD/ Doanh thu thuần	%	3,28	2,77
- Thu nhập trên cổ phần (EPS)	VND/CP	7.663	6.740

(Nguồn: BCTC kiểm toán hợp nhất năm 2016 của APFCO)

12. Tài sản

❖ Tài sản cố định hữu hình:

Đơn vị tính: đồng

Danh mục	31/12/2016		
	Nguyên giá (NG)	Giá trị còn lại (GTCL)	%GTCL/NG
Nhà cửa, vật kiến trúc	388.433.044.616	182.251.006.922	46,92%
Máy móc, thiết bị	802.749.638.802	398.371.847.351	49,63%
P. tiện vận tải, truyền dẫn	100.741.057.739	66.291.858.293	65,80%
Thiết bị, dụng cụ quản lý	22.160.872.436	11.093.429.661	50,1%
TSCĐ khác	35.100.000	34.807.500	99,17%
Tổng cộng	1.314.119.713.593	658.042.949.727	50,07%

(Nguồn: BCTC kiểm toán hợp nhất năm 2016 - APFCO)

❖ Tài sản cố định vô hình:

Đơn vị tính: đồng

Danh mục	31/12/2016		
	Nguyên giá (NG)	Giá trị còn lại (GTCL)	%GTCL/NG
Quyền sử dụng đất (*)	8.717.929.213	4.552.836.037	52,22%
Phần mềm máy tính	1.125.559.900	323.023.973	28,7%
Lợi thế thương mại (**)	2.000.000.000	-	-
Tổng cộng	11.843.489.113	4.875.860.010	41,17%

(Nguồn: BCTC kiểm toán hợp nhất năm 2016 - APFCO)

(*) Tài sản cố định vô hình là Quyền sử dụng đất, bao gồm:

- Quyền sử dụng đất tại thửa đất số 104, 105 – Thôn 1, xã Tân Cảnh, huyện Đắk Tô, tỉnh Kontum, mục đích sử dụng để trồng cây lâu năm, thời gian sử dụng đất là 6 năm, kể từ tháng 9/2013 đến tháng 12/2019, với nguyên giá là 150.000.000 đồng.
- Quyền sử dụng đất tại thửa đất Thôn Nhơn Tân, xã Đak Ta Ley, huyện Mang Yang, tỉnh Gia Lai, mục đích sử dụng là đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp, thời gian sử dụng đất từ 19/08/2016 đến 4/11/2055, với nguyên giá là 904.585.781 đồng.
- Quyền sử dụng đất tại Khu phố 4, Thị trấn Tân Châu, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh, mục đích sử dụng là đất cơ sở sản xuất, kinh doanh, thời gian sử dụng đất từ 25/3/2009 đến 26/6/2016, với nguyên giá là 703.500.000 đồng.

(**) Lợi thế thương mại là phần chênh lệch giữa giá mua và giá trị hợp lý của tài sản, công nợ của giao dịch mua lại toàn bộ Nhà máy Cồn và Sản xuất Tinh bột sắn Đắk Tô tại ngày thực hiện nghiệp vụ đầu tư.

❖ Chi phí xây dựng cơ bản dở dang:

Đơn vị tính: đồng

Danh mục	31/12/2015	31/12/2016
- Hệ thống ổn định công suất 60 Tấn/Ca	1.106.380.612	-
- Dự án sậy bã Nhà máy Quảng Ngãi cơ sở 1	1.898.815.973	-
- Dự án CDM	358.002.945	-
- Hệ thống sản xuất cồn từ mật rỉ	3.344.266.579	3.344.266.579
- Nâng cấp nhà xưởng biến tính tại NM Tân Châu	6.109.554.436	-
- Mở rộng hệ thống xử lý nước thải tại NM Tân Châu	9.395.269.178	-
- Dự án nâng công suất 150 tấn Nhà máy Tân Châu	2.607.661.540	-
- Dự án sậy bã Nhà máy Tân Châu	4.872.822.540	4.112.280.619

- Mua đất tại Nhà máy Gia Lai – cơ sở 1	850.000.000	850.000.000
- Máy phân tách ly tâm	968.148.961	1.211.899.891
- Dự án nâng công suất Nhà máy Đồng Xuân lên 100 tấn TP/Ca	3.984.375.479	-
- Hệ thống tách xơ bã hèm Nhà máy Tân Châu	1.112.201.780	-
- Dự án Dung Quất	1.063.922.967	-
- Hệ thống sản xuất bột Pregel	-	32.521.265.513
- Dự án nhà máy tinh bột sắn Quảng Phú	-	2.825.589.872
- Dự án hồ môi trường	-	2.445.923.203
- Chi phí sửa chữa lớn	-	796.404.820
- Dự án Nhà máy sản xuất Tinh bột sắn M-Đrắk	4.122.104.029	53.992.034.846
- Hệ thống ổn định công suất 210Tấn/Ngày	-	6.042.005.903
- Hệ thống xử lý nước thải	-	371.330.000
- Hệ thống sản xuất bột biến tính	-	228.109.366
- Đầu tư nâng cấp hệ thống xử lý nước thải Đăk Song	-	4.175.668.038
- Công trình bột biến tính	-	4.335.975.962
- Lắp đặt hồ sục khí cơ sở II	-	2.460.728.673
- Mua sắm tài sản cố định	-	3.410.052.367
- Công trình nâng cấp Nhà máy tại Sê Pôn	-	1.686.041.837
- Các dự án khác	1.336.716.646	8.958.341.495
Tổng cộng	43.130.243.665	133.767.918.984

(Nguồn: BCTC kiểm toán hợp nhất năm 2016 - APFCO)

13. Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức năm 2017, 2018

13.1 Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức năm 2017, 2018

Công ty cổ phần Nông sản Thực phẩm Quảng Ngãi đặt ra các chỉ tiêu lợi nhuận, cổ tức năm 2017, 2018 như sau:

Chỉ tiêu (Hợp nhất)	ĐVT	Năm 2017 (*)		Năm 2018 (**)	
		Giá trị	% tăng, giảm so với 2016	Giá trị	% tăng, giảm so với 2017
Vốn điều lệ	Tỷ đồng	130,7	20,02%	156,8	19,97%

Doanh thu thuần	Tỷ đồng	3.000	5,26%	2.950	- 1,67%
Lợi nhuận sau thuế ³	Tỷ đồng	75	-4,94%	140	86,7%
Tỷ lệ LNST/Doanh Thu thuần	%	2,50	-	4,75	-
Tỷ lệ LNST/Vốn điều lệ	%	57,38	-	89,29	-
Tỷ lệ chia cổ tức	%	40	-	40-50	-

(Nguồn: Công ty cổ phần Nông sản Thực phẩm Quảng Ngãi)

(*): Được trích từ Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2017 trong Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2017 của Công ty.

(**): Được trích từ Kế hoạch sản xuất kinh doanh nhiệm kỳ 2014-2018 trong Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2014 của Công ty.

13.2 Căn cứ để đạt được kế hoạch lợi nhuận và cổ tức năm 2017

Để đạt được những mục tiêu và thực hiện được chiến lược nêu trên, Công ty sẽ tiến hành các biện pháp sau:

1. Chuẩn bị nguyên liệu mỳ tươi và sản lát khô phục vụ sản xuất:

1.1 Sản lượng:

- Mua mỳ tươi: Các Nhà máy trong Công ty phải mua: 1.353.000 Tấn nguyên liệu để đảm bảo cho sản xuất 370.000 Tấn thành phẩm tinh bột sản các loại.
- Mua sản lát khô: Nhà máy Cồn & sản Đăk Tô phải mua: 24.000 Tấn sản lát khô để đảm bảo sản xuất 12.000 m³ cồn thực phẩm.

1.2 Giá mua và quản lý mua nguyên liệu:

- Căn cứ vào giá bán thành phẩm xác định giá mua nguyên liệu theo từng thời điểm đảm bảo nông dân đủ bù đắp chi phí và có lãi.
- Ký hợp đồng bao tiêu mua trên 70% sản lượng mỳ trong vùng;
- Mua hết nguyên liệu trong vùng nguyên liệu của Nhà máy.
- Cấp phiếu thu hoạch mỳ, cân trọng lượng, đo độ bột và xác định tạp chất chính xác; công khai và minh bạch.
- Trả tiền ngay cho nông dân chậm nhất là 3 ngày kể từ ngày cân mỳ tại nhà máy.

1.3 Về đầu tư vùng nguyên liệu:

³ Thuế TNDN dự tính cho năm 2017, 2018 không đáng kể nên dự tính LNST kế hoạch = LNTT kế hoạch.

- Phối hợp với cơ quan khuyến nông tại địa phương để đẩy mạnh công tác khuyến nông: Kỹ thuật trồng, chăm sóc, phòng trừ dịch bệnh và thu hoạch và thực hiện mô hình trồng mỳ “cánh đồng mẫu lớn”.

- Phối hợp với Trung tâm giống và các nhà khoa học lựa chọn giống sản mới cấp cho vùng mỳ đang trồng đại trà giống KM94.

2. Đảm bảo chất lượng và chuẩn loại sản phẩm:

2.1 Tinh bột sản: Tăng sự ổn định các chỉ tiêu chất lượng, đặc biệt là chỉ tiêu độ xơ, pH và độ màu dịch bột hồ hóa.

2.2 Tinh bột biến tính:

Tinh bột biến tính hóa: Nâng cao chất lượng để đáp ứng nhu cầu khách hàng. Đồng thời nghiên cứu sản xuất thêm nhiều chuẩn loại sản phẩm mới mở rộng thị trường tăng số lượng.

Tinh bột biến tính vật lý: Tiếp tục giữ ổn định chất lượng sản phẩm đáp ứng yêu cầu khách hàng. Đồng thời nghiên cứu nâng cao chất lượng từng bước cạnh tranh với các sản phẩm cùng loại của Thái Lan và Trung Quốc để tăng sản lượng sản phẩm.

2.3 Đối với sản phẩm còn: Sản xuất sản phẩm đạt chất lượng còn thực phẩm theo quy chuẩn: QCVN 6-3/2010/BYT của Bộ Y tế và theo nhu cầu của khách hàng.

3. Tuân thủ các định mức kinh tế kỹ thuật:

- Công ty soát xét và ban hành chỉ tiêu định mức kinh tế kỹ thuật để quản lý các nhà máy và đơn vị trực thuộc, chủ yếu là các định mức hiệu suất thu hồi sản phẩm (HSTH) tinh bột các loại và định mức tiêu hao điện như sau:

- Đối với tinh bột sản tùy theo từng nhà máy: HSTH đạt tối thiểu từ 99 % - 100%; Điện tối đa từ: 170 - 220kWh/ tsp.

- Đối với tinh bột biến tính hóa: HSTH 95%; Điện 270kWh/tsp.

- Đối với tinh bột biến tính lý: HSTH 90%; Điện 320kWh/tsp

- Đối với sản phẩm còn: 2.5kg sản khô/lít; Điện 300kWh/m³; Than đá 500kg/m; Củi 300kg/m³.

- Công ty khuyến khích người lao động sáng tạo tìm giải pháp thực hiện đạt và vượt các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật nhằm tiết kiệm chi phí hạ giá thành sản phẩm để tăng lợi nhuận.

4. Phát triển thị trường:

- Đối với tinh bột gốc: Ưu tiên phát triển thị trường nội địa; Giữ vững thị trường và khách hàng xuất khẩu truyền thống; Làm tốt dịch vụ giao hàng xuất khẩu.

- Đối với tinh bột biến tính: Tăng chủng loại; Tiếp tục khai thác thị trường Trung Quốc và Đài Loan; Xúc tiến thị trường Nhật Bản và Hàn Quốc; Đẩy mạnh khai thác thị trường nội địa.

- Đối với sản phẩm Cồn: Xác định hệ thống Đại lý; Ưu tiên thị trường nội địa; Ưu tiên phân phối phía Bắc và đặc biệt chú ý quý I và quý IV.

5. Đầu tư xây dựng cơ bản:

Ưu tiên thực hiện đầu tư theo thứ tự sau:

5.1 Ổn định công suất các Nhà máy.

5.2 Đầu tư cho sản xuất tinh bột biến tính.

5.3 Hợp lý hóa sản xuất để nâng cao năng suất lao động:

- Đóng bao tự động;
- Xây kho chứa thành phẩm.

5.4 Sửa chữa Nhà máy cồn ở mức cần thiết nhằm đảm bảo sản xuất.

5.5 Đầu tư xây dựng Nhà máy sản xuất tinh bột sắn Bình Long thay thế cho Nhà máy sản xuất tinh bột mì Quảng Ngãi (Cơ sở 1, Tịnh Phong).

6. Môi trường, Phòng chống cháy nổ và an toàn lao động:

- Hoàn chỉnh và đưa các công trình xử lý môi trường và dây chuyền sấy bã tươi vào vận hành ổn định.

- Đầu tư xử lý sục khí, tách bùn tại Nhà máy sản xuất Tinh bột sắn Đồng Xuân.
- Tuyệt đối không được để ra sự cố môi trường và cháy nổ.

7. Vốn và quản lý vốn:

- Phát hành cổ phiếu tăng vốn trong năm 2017: Dự kiến phát hành 2.178.711 cổ phần, chào bán cho cổ đông hiện hữu với tỷ lệ thực hiện quyền: 5:1, giá phát hành: 36.000 đồng/cổ phiếu. Tổng giá trị dự kiến thu được: 78,4 tỷ đồng.

- Vay ngân hàng đảm bảo vốn lúc chính vụ.
- Vòng quay vốn: 3 Vòng/năm.

8. Lao động – tiền lương và quản lý:

8.1 Lao động – tiền lương:

- Tăng tính chuyên nghiệp chủ yếu là lao động quản lý, chuyên viên và kỹ thuật viên;

- Tiết giảm lao động gián tiếp, giản đơn và thừa hành;
- Ưu tiên tuyển dụng nhân lực cho sản xuất tinh bột biến tính và xử lý môi trường.
- Trả lương theo đơn giá sản phẩm và kết quả thực hiện các định mức kinh tế kỹ thuật.

8.2 Quản lý:

- Hoàn thiện việc áp dụng phần mềm quản lý doanh nghiệp Fast Business Online: Quản lý tài chính kế toán; Quản lý nhân sự và tiền lương; Quản lý mua nguyên liệu, mua hàng; Quản lý bán hàng; Và Quản lý bảo trì máy móc thiết bị.
- Chuyển đổi hệ thống quản lý ISO 9001- 2008 sang ISO 9001- 2015.
- Xây dựng ISO 22000: 2005 và HACCP cho tinh bột biến tính.

14. Thông tin về những cam kết chưa thực hiện

Không có

15. Chiến lược, định hướng phát triển sản xuất kinh doanh

Mục tiêu phát triển của APFCO:

Phát triển Công ty ngày càng lớn mạnh, kinh doanh có hiệu quả, lợi nhuận ngày càng tăng, đem lại hiệu quả, lợi ích kinh tế cho nhà đầu tư, ổn định công việc làm và nâng cao thu nhập cho người lao động, thực hiện tốt chính sách thuế đối với Nhà nước.

Chiến lược phát triển của APFCO:

APFCO xác định chiến lược phát triển trung và dài hạn của mình chính là tiếp tục đẩy mạnh hoạt động sản xuất kinh doanh, tập trung đầu tư nguồn lực về con người và tài chính để mở rộng thị trường, đổi mới công nghệ thiết bị để nâng cao chất lượng sản phẩm tinh bột sắn và cón thực phẩm, phấn đấu trở thành một trong những nhà sản xuất và cung cấp tinh bột sắn hàng đầu khu vực. Đồng thời xác định sản xuất tinh bột biến tính là hướng đi lâu dài của Công ty nhằm tăng tính hiệu quả, tăng giá trị cũng như tính cạnh tranh. Mục tiêu từ năm 2016 đến năm 2018 đầu tư tại khu vực tỉnh Gia Lai và tỉnh Phú Yên để đạt tổng sản lượng bột biến tính 60.000 tấn.

Bên cạnh mục tiêu kinh doanh, APFCO xác định việc đầu tư cho xử lý môi trường là trách nhiệm của Công ty với xã hội cũng như đảm bảo sự phát triển bền vững của mình. Trong giai đoạn 2016-2018, Công ty nghiên cứu, tính toán áp dụng công nghệ mới để tiết kiệm nước trong sản xuất, tiết kiệm tài nguyên đất trong xử lý môi trường.

16. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan đến công ty

Không có

II. QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Hội đồng quản trị

1.1 Danh sách Hội đồng quản trị:

- | | | | |
|-----|-----------------|-----------------|----------------------------|
| i. | Chủ tịch HĐQT | Ông Võ Văn Danh | Thành viên HĐQT điều hành |
| ii. | Thành viên HĐQT | Ông Vũ Lam Sơn | Thành viên HĐQT không điều |

			hành
iii.	Thành viên HĐQT	Ông Ngô Văn Tươi	Thành viên HĐQT điều hành
iv.	Thành viên HĐQT	Ông Lê Tuấn Toàn	Thành viên HĐQT điều hành
v.	Thành viên HĐQT	Ông Trần Thanh Chương	Thành viên HĐQT không điều hành
vi.	Thành viên HĐQT	Ông Trần Ngọc Hải	Thành viên HĐQT điều hành
vii.	Thành viên HĐQT	Ông Trần Đức Thạch	Thành viên HĐQT điều hành

1.2 Sơ yếu lý lịch:

❖ Ông Võ Văn Danh – Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng giám đốc

Họ và tên	VÕ VĂN DANH
Giới tính	Nam
Ngày sinh	20 - 10 - 1961
Nơi sinh	Xã Nghĩa Đông, Thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi
Số chứng minh nhân dân	211222371, do CA Quảng Ngãi cấp ngày 23/12/2015
Dân tộc	Kinh
Quốc tịch	Việt Nam
Quê quán	Xã Nghĩa Đông, Thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi
Địa chỉ thường trú	295 Phan Đình Phùng, Phường Chánh Lộ, Thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.
Số điện thoại liên lạc	(055) 3822536
Trình độ văn hóa	12/12
Trình độ chuyên môn	Cử nhân Kinh tế
Chức vụ hiện tại	Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc
Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác	Không
Quá trình công tác	- Từ 5/1985 đến 9/1985: Kế toán viên Công ty Mía Đường Thuốc lá Nghĩa Bình. - Từ 10/1985 đến 12/1989: Phó Phòng Kế toán Công ty Mía Đường Thuốc lá Nghĩa Bình.

	<ul style="list-style-type: none"> - Từ 01/1990 đến 3/1992: Trưởng Phòng Kế toán Công ty Nông sản thực phẩm Quảng Ngãi. - Từ 4/1992 đến 3/1993: Phó Giám đốc Công ty Nông sản thực phẩm Quảng Ngãi. - Từ 4/1993 đến 12/2003: Giám đốc Công ty Nông sản thực phẩm Quảng Ngãi. - Từ 01/2004 đến 5/2007: Chủ tịch Hội đồng Quản trị - Giám đốc Công ty CP Nông sản thực phẩm Quảng Ngãi. - Từ 6/2007 đến nay: Chủ tịch Hội đồng Quản trị - Tổng Giám đốc Công ty CP Nông sản thực phẩm Quảng Ngãi.
Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty	Không
Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của bản thân	625.264CP, chiếm tỷ lệ 5,74% vốn điều lệ.
Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của những người liên quan	Vợ: Đặng Mỹ Ái Hoa, sở hữu 156.800CP, chiếm tỷ lệ 1,44% vốn điều lệ. Em ruột: Võ Thị Luận, sở hữu 4.493 CP, chiếm tỷ lệ 0,04% vốn điều lệ.
Các khoản nợ đối với Công ty	Không
Lợi ích liên quan đối với Công ty	Không

❖ Ông Vũ Lam Sơn - Phó chủ tịch Hội đồng quản trị

Họ và tên	VŨ LAM SƠN
Giới tính	Nam
Ngày sinh	15 - 8 - 1956
Nơi sinh	Xã Nghĩa Kỳ, huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi.
Số chứng minh nhân dân	212610392, do CA Quảng Ngãi cấp 04/03/2010
Dân tộc	Kinh
Quốc tịch	Việt Nam
Quê quán	Xã Nghĩa Kỳ, huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi
Địa chỉ thường trú	.Phường Trần Phú, Thành phố Quảng Ngãi,

	tỉnh Quảng Ngãi
Số điện thoại liên lạc	(055) 3711995
Trình độ văn hóa	12/12
Trình độ chuyên môn	Kỹ sư Cơ khí
Chức vụ hiện tại	Phó Chủ tịch HĐQT
Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác	Chủ tịch HĐQT Công ty TNHH tinh bột sắn Kon Tum
Quá trình công tác	<ul style="list-style-type: none"> - Từ 12/1981 đến 01/1988: Quản đốc Xưởng Xí nghiệp Hóa chất Nghĩa Bình. - Từ 02/1988 đến 8/1996: Phó Trưởng phòng Kỹ thuật Nhà máy Cơ khí và Xây lắp An Ngãi. - Từ 9/1996 đến 6/1998: Chuyên viên, Ủy viên Ban Quản lý dự án Nhà máy sản xuất tinh bột mì Quảng Ngãi - Công ty Nông sản thực phẩm Quảng Ngãi. - Từ 7/1998 đến 9/2002: Phó Giám đốc Nhà máy sản xuất tinh bột mì Quảng Ngãi - Công ty CP Nông sản thực phẩm Quảng Ngãi. - Từ 10/2002 đến 12/2003: Quyền Giám đốc Nhà máy sản xuất tinh bột mì Quảng Ngãi - Công ty CP Nông sản thực phẩm Quảng Ngãi. - Từ 01/2004 đến 5/2007: Thành viên Hội đồng Quản trị; Phó Giám đốc Công ty CP Nông sản thực phẩm Quảng Ngãi. - Từ 6/2007 đến 05/2014: Thành viên Hội đồng Quản trị; Phó Tổng Giám đốc Công ty CP Nông sản thực phẩm Quảng Ngãi. - Từ 6/2014 đến 01/2016: Phó Chủ tịch HĐQT; Phó Tổng Giám đốc Công ty CP Nông sản thực phẩm Quảng Ngãi. - Từ 01/2016 -12/2016: Phó Chủ tịch HĐQT; Phó Tổng Giám đốc Công ty CP Nông sản thực phẩm Quảng Ngãi; Chủ tịch HĐQT Công ty TNHH tinh bột sắn Kon Tum - Từ 01/2017 - nay: Phó Chủ tịch HĐQT Công ty CP Nông sản thực phẩm Quảng Ngãi. Chủ tịch HĐQT Công ty TNHH tinh bột sắn Kon Tum
Hành vi vi phạm pháp luật	Không

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty	Không
Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của bản thân	674.578CP, chiếm tỷ lệ 6,19% vốn điều lệ
Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của những người liên quan	Không
Các khoản nợ đối với Công ty	Không
Lợi ích liên quan đối với Công ty	Không

❖ Ông Ngô Văn Tươi – Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng giám đốc

Họ và tên	NGÔ VĂN TƯƠI
Giới tính	Nam
Ngày sinh	06 - 8 - 1958
Nơi sinh	Xã Hành Phước, huyện Nghĩa Hành, tỉnh Quảng Ngãi
Số chứng minh nhân dân	210025126, do CA Quảng Ngãi cấp 02/8/2005
Dân tộc	Kinh
Quốc tịch	Việt Nam
Quê quán	Xã Hành Phước, huyện Nghĩa Hành, tỉnh Quảng Ngãi
Địa chỉ thường trú	67 Phạm Xuân Hòa, phường Trần Hưng Đạo, Thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi
Số điện thoại liên lạc	(055) 3822542
Trình độ văn hóa	12/12
Trình độ chuyên môn	Cử nhân Khoa học
Chức vụ hiện tại	Thành viên Hội đồng Quản trị; Bí thư Đảng ủy; Phó Tổng Giám đốc, Giám đốc Nhà máy SXTB mỳ Quảng Ngãi.
Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác	Không
Quá trình công tác	- Từ 4/1975 đến 4/1978: Thủ kho Công ty Nông sản thực phẩm Nghĩa Bình. - Từ 5/1978 đến 02/1984: Tổ Trưởng thu mua Trại Quảng Ngãi - Công ty Mía Đường Thuốc lá Nghĩa

	<p>Bình.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Từ 3/1984 đến 12/1984: Trạm Phó Trạm Quảng Ngãi - Công ty Mía Đường Thuốc lá Nghĩa Bình. - Từ 01/1985 đến 4/1989: Trưởng trạm Mộ Đức - Công ty Mía Đường Thuốc lá Nghĩa Bình. - Từ 5/1989 đến 12/2003: Phó Giám đốc Công ty Nông sản thực phẩm Quảng Ngãi. - Từ 01/2004 đến 5/2007: Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị; Phó Giám đốc; Bí thư Đảng Ủy Công ty CP Nông sản thực phẩm Quảng Ngãi. - Từ 6/2007 đến 05/2014: Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị; Phó Tổng Giám đốc; Bí thư Đảng Ủy Công ty CP Nông sản thực phẩm Quảng Ngãi. - Từ 6/2014 đến 06/2016: Thành viên Hội đồng Quản trị; Phó Tổng Giám đốc; Bí thư Đảng Ủy Công ty CP Nông sản thực phẩm Quảng Ngãi. - Từ 7/2014 đến nay: Thành viên Hội đồng Quản trị; Bí thư Đảng ủy; Phó Tổng Giám đốc, Giám đốc Nhà máy SXTB mỳ Quảng Ngãi.
Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty	Không
Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của bản thân	378.426 CP, chiếm tỷ lệ 3,47 % vốn điều lệ.
Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của những người liên quan	Con trai: Ngô Thanh Tùng, sở hữu 5.869 CP, chiếm 0,05% vốn điều lệ.
Các khoản nợ đối với Công ty	Không
Lợi ích liên quan đối với tổ chức phát hành	Không

❖ Ông Lê Tuấn Toàn - Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng Giám đốc

Họ và tên	LÊ TUẤN TOÀN
Giới tính	Nam
Ngày sinh	16 - 02 - 1962
Nơi sinh	Xã Đức Thắng, huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi

Số chứng minh nhân dân	210643799, do CA Quảng Ngãi cấp 17/01/2013
Dân tộc	Kinh
Quốc tịch	Việt Nam
Quê quán	Xã Đức Thắng, huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi
Địa chỉ thường trú	99 Trương Quang Trọng, Phường Lê Hồng Phong, Thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.
Số điện thoại liên lạc	(055) 3819741
Trình độ văn hóa	12/12
Trình độ chuyên môn	Cử nhân Kinh tế công nghiệp
Chức vụ hiện tại	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc
Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác	Không
Quá trình công tác	<ul style="list-style-type: none"> - Từ 01/1986 đến 02/1987: Cán bộ Kế hoạch Công ty Mía Đường thuốc lá Nghĩa Bình. - Từ 3/87 đến 8/1988: Trung sỹ, tài vụ Trường văn hóa Quân khu 5. - Từ 9/1988 đến 6/1989: Cán bộ phòng Công nghiệp huyện Mộ Đức, tỉnh Nghĩa Bình. - Từ 7/1989 đến 7/1990: Cán bộ Kế hoạch - Nghiệp vụ Công ty Nông sản thực phẩm Quảng Ngãi. - Từ 8/1990 đến 4/1994: Phó phòng Kế hoạch - Nghiệp vụ Công ty Nông sản thực phẩm Quảng Ngãi. - Từ 5/1994 đến 3/1996: Trưởng chi nhánh của Công ty Nông sản thực phẩm Quảng Ngãi tại thành phố Hồ Chí Minh. - Từ 4/1996 đến 3/1999: Phó Giám đốc Công ty Nông sản thực phẩm Quảng Ngãi. - Từ 4/1999 đến 12/2001: Giám đốc Công ty Sản xuất - Xuất nhập khẩu Đông Thành. - Từ 01/2002 đến 12/2003: Phó Giám đốc Công ty Nông sản thực phẩm Quảng Ngãi. - Từ 01/2004 đến 5/2007: Thành viên Hội đồng Quản trị; Phó Giám đốc Công ty CP Nông sản thực phẩm Quảng Ngãi. - Từ 6/2007 đến 5/2009: Thành viên Hội đồng Quản

	trị; Phó Tổng Giám đốc Công ty CP Nông sản thực phẩm Quảng Ngãi. - Từ 6/2009 đến nay: Thành viên Hội đồng Quản trị; Phó Tổng Giám đốc Công ty CP Nông sản thực phẩm Quảng Ngãi.
Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty	Không
Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của bản thân	411.938 CP, chiếm tỷ lệ 3,78% vốn điều lệ.
Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của những người liên quan	Không
Các khoản nợ đối với Công ty	Không
Lợi ích liên quan đối với Công ty	Không

❖ Ông Trần Ngọc Hải - Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng Giám đốc

Họ và tên	TRẦN NGỌC HẢI
Giới tính	Nam
Ngày sinh	01-01- 1973
Nơi sinh	Xã Đức Chánh, huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi
Số chứng minh nhân dân	211925924, do CA Quảng Ngãi cấp ngày 09/04/2008
Dân tộc	Kinh
Quốc tịch	Việt Nam
Quê quán	Xã Đức Chánh, huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi
Địa chỉ thường trú	Phường Lê Hồng Phong, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi
Số điện thoại liên lạc	(055) 3841707
Trình độ văn hóa	12/12
Trình độ chuyên môn	Cử nhân Kinh tế
Chức vụ hiện tại	Thành viên Hội đồng Quản trị; Phó Tổng Giám đốc Công ty CP Nông sản thực phẩm Quảng Ngãi; Thư ký Công ty; Giám đốc Nhà máy cồn và tinh bột sắn Đăk

	Tô.
Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác	Không
Quá trình công tác	<ul style="list-style-type: none"> - Từ 01/1997 đến 12/2003: Chuyên viên Phòng Kế hoạch - Nghiệp vụ Công ty Nông sản thực phẩm Quảng Ngãi. - Từ 01/2004 đến 9/2004: Phó Trưởng phòng Kỹ thuật-Đầu tư & Nguyên liệu Công ty CP Nông sản thực phẩm Quảng Ngãi. - Từ 10/2004 đến 12/2005: Trưởng phòng Kỹ thuật-Đầu tư & Nguyên liệu Công ty CP Nông sản thực phẩm Quảng Ngãi. - Từ 01/2006 đến 4/2007: Giám đốc Nhà máy sản xuất tinh bột mì Quảng Ngãi – Công ty CP Nông sản thực phẩm Quảng Ngãi; Thành viên Ban Kiểm soát. - Từ 01/2006 đến 5/2009: Giám đốc Nhà máy sản xuất tinh bột mì Quảng Ngãi – Công ty CP Nông sản thực phẩm Quảng Ngãi. - Từ 6/2009 đến 11/2011: Thành viên Hội đồng Quản trị; Phó Tổng Giám đốc Công ty CP Nông sản thực phẩm Quảng Ngãi. Giám đốc Nhà máy SXTB mì Quảng Ngãi. - Từ 12/2011 đến nay: Thành viên Hội đồng Quản trị; Phó Tổng Giám đốc Công ty CP Nông sản thực phẩm Quảng Ngãi; Thư ký Công ty; Giám đốc Nhà máy cùi và tinh bột sắn Đắk Tô.
Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty	Không
Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của bản thân	186.808 CP, chiếm tỷ lệ 1,71% vốn điều lệ
Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của những người liên quan	Không
Các khoản nợ đối với Công ty	Không
Lợi ích liên quan đối với tổ chức phát hành	Không

❖ Ông Trần Thanh Chương - Thành viên hội đồng quản trị

Họ và tên	TRẦN THANH CHƯƠNG
Giới tính	Nam
Ngày sinh	17- 03 - 1957
Nơi sinh	Huyện Chí Linh, tỉnh Hải Dương
Số chứng minh nhân dân	212055879, do CA Quảng Ngãi cấp 03/9/2003
Dân tộc	Kinh
Quốc tịch	Việt Nam
Quê quán	Xã Tịnh Thiện, huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi
Địa chỉ thường trú	Phường Trần Phú, Thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi
Số điện thoại liên lạc	(055) 3822952
Trình độ văn hóa	12/12
Trình độ chuyên môn	Trung cấp Kế toán
Chức vụ hiện tại	Thành viên Hội đồng quản trị; Trưởng Phòng Kế hoạch – Thị trường
Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác	Không
Quá trình công tác	<ul style="list-style-type: none"> - Từ 11/1977 đến 7/1978: Công nhân Xí nghiệp chế biến thực phẩm Thành phố Hải Phòng. - Từ 8/1978 đến 3/1979: Nhân viên của hàng ăn uống thị xã Quảng Ngãi. - Từ 4/1979 đến 8/1982: Bộ đội, chiến sỹ D3 Quân Khu V. - Từ 9/1982 đến 12/1988: Nhân viên thu mua Công ty Mía đường thuốc lá Nghĩa Bình. - Từ 01/1989 đến 11/1992: Nhân viên bán hàng Công ty Nông sản thực phẩm Quảng Ngãi. - Từ 12/1992 đến 3/1999: Cán bộ Nghiệp vụ kinh doanh Công ty Nông sản thực phẩm Quảng Ngãi. - Từ 4/1999 đến 12/2003: Phó Phòng Kế hoạch – Nghiệp vụ Công ty Nông sản thực phẩm Quảng Ngãi - Từ 01/2004 đến nay: Thành viên Hội đồng Quản trị; Trưởng phòng Kế hoạch – Thị trường Công ty CP Nông sản thực phẩm Quảng Ngãi.
Hành vi vi phạm pháp luật	Không

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty	Không
Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của bản thân	263.558 CP, chiếm tỷ lệ 2,42% vốn điều lệ
Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của những người liên quan	Con trai: Trần Anh Hoàng, sở hữu 55.920 CP, chiếm 0,51% vốn điều lệ
Các khoản nợ đối với Công ty	Không
Lợi ích liên quan đối với tổ chức phát hành	Không

❖ Ông Trần Đức Thạch - Thành viên HĐQT kiêm Kế toán trưởng

Họ và tên	TRẦN ĐỨC THẠCH
Giới tính	Nam
Ngày sinh	20- 05 - 1974
Nơi sinh	Thị trấn La Hà, huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi
Số chứng minh nhân dân	212127348, do CA Quảng Ngãi cấp 10/05/2011
Dân tộc	Kinh
Quốc tịch	Việt Nam
Quê quán	Thị trấn La Hà, huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi
Địa chỉ thường trú	Thị trấn La Hà, huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi
Số điện thoại liên lạc	(055) 3822529
Trình độ văn hóa	12/12
Trình độ chuyên môn	Cử nhân Kinh tế, Cử nhân Ngoại ngữ
Chức vụ hiện tại	Thành viên HĐQT; Kế toán trưởng Công ty
Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác	Không
Quá trình công tác	<ul style="list-style-type: none"> - Từ 01/1999 đến 12/2003: Nhân viên Kế toán Công ty Nông sản thực phẩm Quảng Ngãi. - Từ 01/2004 đến 9/2004: Thành viên Ban Kiểm soát; Nhân viên Kế toán Công ty CP Nông sản thực phẩm Quảng Ngãi. - Từ 10/2004 đến 5/2009: Thành viên Ban Kiểm soát; Chuyên viên Phòng TC-KT-TK Công ty CP Nông sản thực phẩm Quảng Ngãi.

	<ul style="list-style-type: none"> - Từ 6/2009 đến 12/2010: Thành viên Ban Kiểm soát; Trợ lý Thư ký Công ty; Chuyên viên Phòng Kế toán-Tài chính-Thống kê Công ty CP Nông sản thực phẩm Quảng Ngãi. - Từ 01/2011 đến 05/2014: Phó Phòng Kế toán-Tài chính-Thống kê Công ty CP Nông sản thực phẩm Quảng Ngãi. - Từ đến 06/2014 đến 03/2016: Kế toán Trưởng Công ty CP Nông sản thực phẩm Quảng Ngãi. - Từ 04/2016 đến nay: Thành viên HĐQT, Kế toán Trưởng Công ty CP Nông sản thực phẩm Quảng Ngãi.
Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty	Không
Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của bản thân	135.760 CP, chiếm tỷ lệ 1,25% vốn điều lệ
Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của những người liên quan	Không
Các khoản nợ đối với Công ty	Không
Lợi ích liên quan đối với Công ty	Không

2. Ban kiểm soát

2.1 Danh sách Ban kiểm soát:

- | | |
|-------------------------------|------------------------|
| i. Trưởng Ban Kiểm soát | Bà Bùi Thị Như Hoa |
| ii. Thành viên Ban Kiểm soát | Ông Phạm Văn Lâm |
| iii. Thành viên Ban Kiểm soát | Ông Tôn Long Thành Nam |

2.2 Sơ yếu lý lịch:

❖ Bà Bùi Thị Như Hoa - Trưởng Ban kiểm soát

Họ và tên	BÙI THỊ NHƯ HOA
Giới tính	Nữ
Ngày sinh	20 - 10 - 1957
Nơi sinh	Xã Đức Nhuận, huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi

Số chứng minh nhân dân	211966452, do CA Quảng Ngãi cấp 13/7/1992
Dân tộc	Kinh
Quốc tịch	Việt Nam
Quê quán	Xã Đức Nhuận, huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi
Địa chỉ thường trú	Phường Chánh Lộ, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi
Số điện thoại liên lạc	(055) 3822529
Trình độ văn hóa	10/10
Trình độ chuyên môn	Cử nhân Kinh tế
Chức vụ hiện tại	Trưởng ban kiểm soát
Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác	Không
Quá trình công tác	<ul style="list-style-type: none"> - Từ 4/1975 đến 9/1980: Nhân viên Kế toán Công ty Mía đường thuốc lá Nghĩa Bình. - Từ 10/1980 đến 01/1983: Học viên Trường Trung học Kế toán Thương nghiệp Đà Nẵng. - Từ 02/1983 đến 4/1989: Tổ Trưởng Kế toán Tổng kho Công ty Mía đường thuốc lá Nghĩa Bình. - Từ 5/1989 đến 4/1992: Phó Kế toán trưởng Công ty Nông sản thực phẩm Quảng Ngãi. - Từ 5/1992 đến 3/1993: Quyền Kế toán trưởng Công ty Nông sản thực phẩm Quảng Ngãi. - Từ 4/1993 đến 12/2003: Kế toán trưởng Công ty Nông sản thực phẩm Quảng Ngãi. - Từ 01/2004 đến 05/2014: Thành viên Hội đồng Quản trị; Kế toán trưởng; Chủ tịch công đoàn cơ sở; Phó Bí thư Đảng ủy Công ty CP Nông sản thực phẩm Quảng Ngãi. - Từ 06/2014 đến nay: Trưởng Ban kiểm soát Công ty CP Nông sản thực phẩm Quảng Ngãi.
Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty	Không
Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của bản thân	383.436 CP, chiếm tỷ lệ 3,52% vốn điều lệ

Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của những người liên quan	Chồng; Nguyễn Chính, sở hữu 142.850 CP, chiếm 1,31% vốn điều lệ.
Các khoản nợ đối với Công ty	Không
Lợi ích liên quan đối với tổ chức phát hành	Không

❖ Ông Phạm Văn Lâm - Thành viên Ban kiểm soát

Họ và tên	PHẠM VĂN LÂM
Giới tính	Nam
Ngày sinh	10 – 11 - 1965
Nơi sinh	Xã Bình Long, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi
Số chứng minh nhân dân	211054446, do CA Quảng Ngãi cấp ngày 13/05/2015
Dân tộc	Kinh
Quốc tịch	Việt Nam
Quê quán	Xã Bình Long, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi
Địa chỉ thường trú	47 Trương Định, TP Quảng Ngãi
Số điện thoại liên lạc	(055) 3819549
Trình độ văn hóa	12/12
Trình độ chuyên môn	Cử nhân Kinh tế; Luật
Chức vụ hiện tại	Thành viên Ban kiểm soát, Trưởng Phòng Đầu tư-Sản xuất
Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác	Không
Quá trình công tác	<ul style="list-style-type: none"> - Từ 01/1988 đến 09/1992: Chuyên viên Công ty liên doanh thủy sản huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi. - Từ 10/1992 đến 12/2000: Chuyên viên Viện kiểm soát tỉnh Quảng Ngãi. - Từ 01/2001 đến 09/2005: Kiểm soát viên Viện kiểm soát tỉnh Quảng Ngãi. - Từ 10/2005 đến 05/2014: Phó Phòng Kỹ thuật Đầu tư và Nguyên liệu Công ty cổ phần Nông sản thực phẩm Quảng Ngãi.

	- Từ 06/2014 đến nay: Trưởng Phòng Đầu tư sản xuất Công ty CP Nông sản thực phẩm Quảng Ngãi. Thành viên Ban kiểm soát.
Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty	Không
Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của bản thân	60.686 CP, chiếm tỷ lệ 0,56% vốn điều lệ
Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của những người liên quan	Không
Các khoản nợ đối với Công ty	Không
Lợi ích liên quan đối với tổ chức phát hành	Không

❖ **Ông Tôn Long Thành Nam - Thành viên Ban kiểm soát**

Họ và tên	TÔN LONG THÀNH NAM
Giới tính	Nam
Ngày sinh	10/09/1977
Nơi sinh	Xã Tịnh Sơn, huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi
Số chứng minh nhân dân	212004563; Nơi cấp: CA Q.Ngãi; Ngày cấp: 19/12/2016
Dân tộc	Kinh
Quốc tịch	Việt Nam
Quê quán	Xã Tịnh Sơn, huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi
Địa chỉ thường trú	730 Võ Nguyên Giáp, TP Quảng Ngãi
Số điện thoại liên lạc	0914012189
Trình độ văn hóa	12/12
Trình độ chuyên môn	Cử nhân Kinh tế
Chức vụ hiện tại	Thành viên Ban kiểm soát, Phó Trưởng Phòng Tổ chức – Hành chính
Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác	Không

Quá trình công tác	<ul style="list-style-type: none"> - Từ 10/2000 đến 04/2004: Nhân viên lao động tiền lương Nhà máy sản xuất tinh bột mì Quảng Ngãi. - Từ 05/2004 đến 07/2005: Phó Phòng Tổ chức - Hành chính Nhà máy sản xuất tinh bột mì Sơn Hải - Sơn Hà. - Từ 8/2005 đến 08/2015: Chuyên viên Phòng Tổ chức - Hành chính Công ty CP Nông sản thực phẩm Quảng Ngãi. - Từ 9/2015 đến nay: Thành viên Ban kiểm soát, Phó Trưởng Phòng Tổ chức - Hành chính Công ty CP Nông sản thực phẩm Quảng Ngãi.
Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty	Không
Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của bản thân	Sở hữu: 94.321 CP, chiếm tỷ lệ 0,87% vốn điều lệ.
Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của những người liên quan	<p>Vợ: Kiều Thị Đông Hà, sở hữu 7.541 CP, chiếm tỷ lệ 0,07% vốn điều lệ.</p> <p>Em gái: Tôn Thị Hoàng Chung, sở hữu 2.174 CP, chiếm tỷ lệ 0,02% vốn điều lệ.</p>
Các khoản nợ đối với Công ty	Không
Lợi ích liên quan đối với tổ chức phát hành	Không

3. Ban Tổng Giám đốc

3.1 Danh sách Ban Tổng Giám đốc:

- | | |
|------------------------|-------------------|
| i. Tổng Giám đốc | Ông Võ Văn Danh |
| ii. Phó Tổng Giám đốc | Ông Ngô Văn Tươi |
| iii. Phó Tổng Giám đốc | Ông Lê Tuấn Toàn |
| iv. Phó Tổng Giám đốc | Ông Trần Ngọc Hải |
| v. Phó Tổng Giám đốc | Ông Đồng Văn Lập |

3.2 Sơ yếu lý lịch:

- ❖ Ông Võ Văn Danh – Tổng giám đốc: Đã được trình bày ở trên
- ❖ Ông Ngô Văn Tươi – Phó tổng giám đốc: Đã được trình bày ở trên
- ❖ Ông Lê Tuấn Toàn – Phó tổng giám đốc: Đã được trình bày ở trên

- ❖ Ông Trần Ngọc Hải – Phó tổng giám đốc: Đã được trình bày ở trên
- ❖ Ông Đồng Văn Lập – Phó tổng giám đốc

Họ và tên	ĐỒNG VĂN LẬP
Giới tính	Nam
Ngày tháng năm sinh	26/02/1976
Nơi sinh	Xã Nghĩa Chánh, TP Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi
Quốc tịch	Việt Nam
Địa chỉ thường trú	Hẻm 581/26 Quang Trung, TP Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi
Chứng minh nhân dân	211963747
Nơi cấp	Công an Quảng Ngãi
Ngày cấp	21/08/2015
Điện thoại liên hệ	0914226876
Trình độ chuyên môn	Kỹ sư điện
Chức vụ công tác hiện nay	Phó Tổng Giám đốc
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác	Giám đốc Công ty TNHH tinh bột sắn ĐăkSong
Quá trình công tác	<ul style="list-style-type: none"> - Từ 02/2001 đến 12/2003: Nhân viên Phòng Kỹ thuật Nhà máy SXTB mỳ Quảng Ngãi. - Từ 01/2004 đến 03/2005: Phó Phòng Kỹ thuật- Nhà máy SXTB mỳ Quảng Ngãi. - Từ 04/2005 đến 09/2005: Trưởng Phòng Kỹ thuật- Nhà máy SXTB mỳ Quảng Ngãi. - Từ 10/2005 đến 01/2006: Phó Giám đốc Xưởng cơ khí. - Từ 02/2006 đến 06/2006: Phó Giám đốc Xưởng Cơ khí kiêm nhiệm Phó Giám đốc Nhà máy SXTB sắn Đồng Xuân. - Từ 07/2006 đến 10/2008: Phó Giám đốc Nhà máy SXTB sắn ĐăkTô. - Từ 11/2008 đến 06/2010: Giám đốc Nhà máy SXTB sắn Tân Châu. - Từ 07/2010 đến 10/2010: Phó Giám đốc Nhà máy SXTB mỳ Quảng Ngãi.

	<ul style="list-style-type: none"> - Từ 11/2010 đến 04/2011: Phó Giám đốc Nhà máy SXTB mỳ Quảng Ngãi kiêm nhiệm Phó Giám đốc Nhà máy SXTB sản Mang Yang. - Từ 05/2011 đến 11/2011: Phó Giám đốc Nhà máy SXTB mỳ Quảng Ngãi. - Từ 12/2011 đến 06/2012: Quyền Giám đốc Nhà máy SXTB mỳ Quảng Ngãi. - Từ 07/2012 đến 04/2016: Giám đốc Nhà máy SXTB mỳ Quảng Ngãi. - Từ 05/2016 đến nay: Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Nhà máy tinh bột sản ĐăkSong.
Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty	Không
Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của bản thân	65.575 CP, chiếm tỷ lệ 0,60% vốn điều lệ
Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của những người liên quan	Không
Các khoản nợ đối với Công ty	Không
Lợi ích liên quan đối với Công ty	Không

4. Kế toán trưởng

❖ Ông Trần Đức Thạch – Kế toán trưởng : Đã được trình bày ở trên

5. Kế hoạch tăng cường quản trị

Để tăng cường công tác quản trị doanh nghiệp, Công ty cổ phần Nông sản thực phẩm Quảng Ngãi sẽ chú trọng thực hiện các nội dung sau:

- Tiếp tục kiện toàn bộ máy quản lý của Công ty nhằm đáp ứng yêu cầu về quản trị doanh nghiệp của công ty đại chúng.
- Xây dựng, kiện toàn các quy chế, quy định làm cơ sở cho công tác chỉ đạo điều hành và quản lý hoạt động sản xuất kinh doanh theo pháp luật và điều lệ Công ty.
- Xây dựng Quy chế quản trị nội bộ, Quy chế công bố thông tin nhằm nâng cao tính minh bạch trong hoạt động điều hành, đảm bảo quyền lợi cổ đông.
- Trao quyền hoạt động độc lập cho các đơn vị trực thuộc nhằm nâng cao hơn nữa chất lượng quản trị điều hành của các đơn vị và của Công ty; phân định chức năng, nhiệm vụ

vụ, quyền hạn và trách nhiệm rõ ràng, cụ thể trong công việc cho từng cán bộ đứng đầu các phòng ban, đơn vị trực thuộc.

- Cơ cấu quản lý và bộ máy tổ chức Công ty được sắp xếp, tinh giản ở mức hợp lý nhằm đảm bảo hoạt động kinh doanh đạt hiệu quả.

- Song song với việc sắp xếp và củng cố lao động, công tác đào tạo và việc tuyển dụng mới cũng được Ban lãnh đạo Công ty rất chú trọng. Hoạt động này nhằm bố trí sắp xếp lại lao động phù hợp với chuyên môn, sở trường, tận dụng có hiệu quả một cách triệt để nguồn nhân lực của Công ty.

- Đảm bảo thực hiện đầy đủ mọi quyền lợi hợp pháp đồng thời tạo môi trường và điều kiện làm việc ngày càng tốt hơn cho người lao động; xây dựng và thực hiện văn hóa doanh nghiệp.

- Hiện tại, cơ cấu của Ban kiểm soát chưa phù hợp với quy định tại Thông tư 121/2012/TT-BTC ngày 26/7/2012 do không có thành viên nào hiện là kế toán viên hoặc kiểm toán viên của công ty khác. Công ty sẽ thực hiện bầu cử thay đổi thành viên Ban kiểm soát tại ĐHĐCĐ gần nhất để phù hợp với các quy định hiện hành.

III. PHỤ LỤC

- 1. Phụ lục I** : Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh;
- 2. Phụ lục II** : Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2016.

Quảng Ngãi, ngày 22 tháng 05 năm 2017

TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH
CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG SẢN THỰC PHẨM QUẢNG NGÃI

ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

TỔNG GIÁM ĐỐC



Võ Văn Danh

TỔ CHỨC TƯ VẤN
CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN NGÂN HÀNG TMCP NGOẠI THƯƠNG
VIỆT NAM – CHI NHÁNH ĐÀ NẴNG

GIÁM ĐỐC



Phạm Kim Ngọc